

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ NAM

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
TỈNH HÀ NAM**

**TẬP II
(1975-2005)**

XUẤT BẢN NĂM 2010

ĐC 21
13025

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ NAM

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ NAM

TẬP II
(1975 - 2005)

TỈNH HÀ NAM
THƯ VIỆN

THƯ VIỆN
TỈNH HÀ NAM

ĐC: 549

XUẤT BẢN THÁNG 8 NĂM 2010

LỜI GIỚI THIỆU

Tỉnh Hà Nam là cửa ngõ phía Nam của Thủ đô Hà Nội, có Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam đi qua, nên có vị thế chiến lược rất quan trọng về chính trị, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, quân sự và giao thông.

Nhân dân Hà Nam có truyền thống đoàn kết, yêu nước, anh dũng, kiên cường, cần cù, sáng tạo và hiếu học. Trên mảnh đất văn hiến, Đảng bộ Hà Nam sớm ra đời lãnh đạo nhân dân trong tỉnh giành nhiều thắng lợi vẻ vang trong Cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình phát triển, địa giới hành chính của tỉnh có sự thay đổi cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời kỳ theo chủ trương của Đảng: Năm 1965, tỉnh Hà Nam hợp nhất với tỉnh Nam Định thành tỉnh Nam Hà; đầu năm 1976, tỉnh Nam Hà hợp nhất với Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh; năm 1992, tỉnh Hà Nam Ninh được chia thành hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình; đến năm 1997, tỉnh Hà Nam được tái lập sau 32 năm sáp nhập với tỉnh Nam Định và Ninh Bình.

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam giai đoạn 1975-2005, là một dòng chảy nối tiếp không ngừng với những thắng lợi, thành tựu trong lịch sử Đảng bộ tỉnh Nam Hà và Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) Về tăng cường và

nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam (khóa XVII) đã có chủ trương biên soạn, xuất bản cuốn sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam, Tập II (1975-2005) và tổ chức thực hiện công trình lịch sử có ý nghĩa này.

Cuốn sách trình bày hệ thống những sự kiện tiêu biểu một cách chân thật, đầy đủ, tổng kết, đúc rút những bài học, kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, phong trào cách mạng của nhân dân diễn ra từ năm 1975 đến 2005, kế tiếp cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam, Tập I (1927 - 1975) được xuất bản năm 2000. Cuốn sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam tập II (1975-2005) được xuất bản là một tài liệu học tập quý cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, góp phần giáo dục, phát huy truyền thống cách mạng, thúc đẩy sự nghiệp đổi mới thành công trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Hoàn thành cuốn sách, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp của các đồng chí lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, cơ quan lưu trữ Đảng và Nhà nước, các nhà khoa học ở Trung ương, địa phương; những cố gắng của Ban biên soạn và sự hướng dẫn của Viện Lịch sử Đảng thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Dù đã được chỉ đạo chặt chẽ về tư tưởng và nội dung, tiếp thu ý kiến nâng cao chất lượng, song cuốn Lịch sử Đảng bộ xuất bản lần này cũng không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tiếp thu những ý kiến phê bình, đóng góp để chỉ đạo bổ sung hoàn thiện trong lần tái bản.

Chào mừng kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc trong năm 2010; Đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XVIII, hướng tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam, Tập II (1975 - 2005).

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH .

Đinh Văn Cương

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Bí thư Tỉnh uỷ

PHÂN THỬ NĂM
ĐẢNG BỘ HÀ NAM TRONG THỜI KỲ
CÁC TỈNH HỢP NHẤT NAM HÀ VÀ
HÀ NAM NINH (1975 - 1996)

CHƯƠNG X

ĐẢNG BỘ HÀ NAM NINH LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI, GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ
BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1980)

I. NHANH CHÓNG ỔN ĐỊNH TỔ CHỨC SAU HỢP NHẤT TỈNH, TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HOÁ, XÃ HỘI

Sau thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước oanh liệt, cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ cả nước độc lập, tự do, thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhằm đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất và phù hợp với tình hình đất nước sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng, tháng 8-1975 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá III họp Hội nghị lần thứ 24 thảo luận và thông qua Nghị quyết *Về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong*

giai đoạn mới⁽¹⁾. Hội nghị chỉ rõ: “Với thắng lợi rực rỡ mùa Xuân năm 1975, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới: Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, từ một nửa nước bị chủ nghĩa thực dân mới chia cắt và thống trị sang cả nước độc lập và thống nhất, từ hai nhiệm vụ chiến lược, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, sang một nhiệm vụ chiến lược là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước”⁽²⁾. Hội nghị đề ra những công việc cần tiến hành ngay nhằm sớm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, đồng thời chỉ ra những đặc điểm lớn của giai đoạn cách mạng mới ở nước ta và thông qua nhiệm vụ chiến lược của cả nước. Nhiệm vụ đó là “Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁽³⁾.

Cụ thể hoá một bước Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 28-9-1975 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TW về việc bỏ đơn

(1). Ngày 29-9-1975, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ký Văn bản Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 24, số 247-NQ/TW.

(2). *Đảng Cộng sản Việt Nam: văn kiện Đảng toàn tập, Tập 36. (1975), Nxb CTQG. HN-2004, tr.394.*

(3). *Đảng Cộng sản Việt Nam: văn kiện Đảng toàn tập, Tập 36. (1975), Nxb CTQG. HN-2004, tr.395.*

vị hành chính cấp khu, hợp nhất một số tỉnh thành tỉnh lớn. Theo chủ trương đó của Đảng, tỉnh Nam Hà hợp nhất với tỉnh Ninh Bình.

Quán triệt Nghị quyết 245 của Bộ Chính trị, từ ngày 28-10 đến 06-11-1975, Ban chỉ đạo hợp nhất tỉnh Nam Hà - Ninh Bình đã họp dưới sự chủ trì của đồng chí Phan Điền, Bí thư Tỉnh uỷ Nam Hà, Trưởng Ban chỉ đạo. Hội nghị đã nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết 245 của Bộ Chính trị, thống nhất chủ trương hợp nhất tỉnh trong giai đoạn mới; đồng thời đề ra một số nhiệm vụ chỉ đạo công tác hợp nhất tỉnh.

Ngày 09-12-1975, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 2505-QĐNS/TW về chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Nam Hà - Ninh Bình hợp nhất, gồm 41 uỷ viên, trong đó có 13 đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Đồng chí Phan Điền được cử làm Bí thư Tỉnh uỷ. Các đồng chí Tạ Quang, Tạ Hồng Thanh được cử làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Tại kỳ họp thứ II, phiên họp ngày 27-12-1975, Quốc hội khoá V đã biểu quyết thông qua Nghị quyết hợp nhất tỉnh Nam Hà với tỉnh Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh. Tỉnh Hà Nam Ninh ở phía Nam đồng bằng sông Hồng, có diện tích 3.636 km², số dân 2.781.409 người. Đơn vị hành chính các cấp của tỉnh gồm 16 huyện, 1 thành phố, 2 thị xã, 430 xã, phường, thị trấn. Trung tâm của tỉnh đặt tại thành phố Nam Định.

Tỉnh Hà Nam Ninh là một trong những tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và quốc phòng - an ninh của đất nước. Có tiềm năng phát triển kinh tế ở các vùng rừng núi, đồng bằng, vùng biển và thành thị, cho nên Hà Nam Ninh trở thành một đơn vị hành chính có quy mô thích hợp, phù hợp với phân vùng kinh tế chung của cả nước với các ngành công - nông - lâm - ngư nghiệp - du lịch hỗ trợ lẫn nhau. Hệ thống giao thông vận tải thuỷ, bộ thuận tiện tạo điều kiện phục vụ nền kinh tế quốc dân phát triển theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nhân dân Hà Nam Ninh có truyền thống yêu nước và cách mạng, đoàn kết, đấu tranh anh dũng chống giặc ngoại xâm và khắc phục trở ngại của thiên nhiên, lao động cần cù, sáng tạo. Bước vào giai đoạn mới, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, trong điều kiện cả nước hoà bình, thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào, phấn khởi, tin tưởng và khí thế cách mạng của cán bộ, đảng viên, của quần chúng nhân dân trong tỉnh được nâng lên gấp bội. Hà Nam Ninh có nhiều cơ sở cách mạng, tổ chức đoàn thể cách mạng và chi bộ Đảng Cộng sản ra đời sớm từ những năm 1927-1930, có nhiều đóng góp cho phong trào cách mạng qua các thời kỳ: trước, trong Cách mạng Tháng Tám 1945, trong các cuộc kháng chiến cứu nước, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đến 31-6-1976, Đảng bộ Hà Nam Ninh có 100.624 đảng viên⁽¹⁾.

(1). Báo cáo số 436-BC/TC, ngày 10-9-1976 của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh.

Đảng bộ, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng ngày càng được củng cố, kiện toàn, tích lũy được kinh nghiệm của hơn 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện chiến đấu chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam, đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện, thử thách, trưởng thành trong phong trào cách mạng... Đó là những thuận lợi cơ bản.

Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh Hà Nam Ninh cũng có những khó khăn như: địa bàn tỉnh rộng, kinh tế chậm phát triển, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thấp; hậu quả chiến tranh để lại còn nhiều, thiên tai xảy ra liên tiếp, thêm vào đó là vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu thiếu thốn; đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Công tác điều tra cơ bản quy hoạch vùng kinh tế chưa làm được nhiều. Nhận thức, trình độ, năng lực tổ chức và quản lý kinh tế của cấp uỷ và cán bộ, đảng viên chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới.

Sau khi tỉnh Hà Nam Ninh được thành lập, ngày 19-1-1976, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh họp xác định nhiệm vụ về ổn định tổ chức bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp tỉnh và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 1976, phân công công tác từng Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1976, Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: “Ra sức khai thác tốt tiềm lực của tỉnh mới, tranh thủ thuận lợi, khắc phục khó khăn, tăng cường đoàn kết nhân dân, động viên khí thế cách mạng sôi nổi trong toàn tỉnh, đẩy mạnh xây dựng cơ

sở vật chất - kỹ thuật, hoàn thiện quan hệ sản xuất theo hướng tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý từ cơ sở, tổ chức và phân bổ sức lao động, tiến hành cơ giới hoá nông nghiệp, đưa sản xuất nông nghiệp và công nghiệp địa phương phát triển mạnh mẽ theo hướng đi lên hiện đại hoá, đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu, tăng khả năng đóng góp, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, giữ gìn trật tự trị an, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, tạo điều kiện thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm (1976-1980)”⁽¹⁾.

Hội nghị quyết định 11 nhiệm vụ cụ thể và phát động chiến dịch Hà Nam Ninh với 6 mũi tiến công. Đó là: Tập trung đẩy mạnh sản xuất lúa, màu, rau, đậu để có nhiều lương thực, bảo đảm yêu cầu cải thiện đời sống nhân dân và đóng góp cho Nhà nước. Phát triển chăn nuôi lợn, cá, vịt, trâu, bò... đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính và phát triển toàn diện. Tích cực sản xuất nhiều hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Quyết tâm đẩy mạnh hoàn chỉnh hệ thống thủy nông tạo điều kiện để thực hiện cơ giới hoá nông nghiệp và xây dựng cơ bản, phục vụ kịp thời sản xuất và đời sống. Thực hiện tốt “Tết trồng cây nhớ ơn Bác Hồ, mừng đất nước thống nhất, mừng tỉnh mới Hà Nam Ninh”. Tăng cường công tác quốc phòng và trật tự trị an gắn liền với cải thiện đời sống, xây dựng nếp sống văn minh, rèn luyện con người mới xã hội chủ nghĩa.

(1). Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam: *Những sự kiện lịch sử Đảng bộ Hà Nam (1975-2000)*, xuất bản năm 2004, tr.13.

Ngày 03-1-1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khoá III) ra Chỉ thị số 228-CT/TW Về lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước. Từ tháng 2-1976, Đảng bộ tỉnh khẩn trương đẩy mạnh công tác chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục và cổ động cho cuộc bầu cử bằng nhiều hình thức phong phú từ tỉnh đến cơ sở. Công tác tuyên truyền vận động bầu cử có ý nghĩa chính trị rộng lớn, động viên mọi người tích cực tham gia vào công tác bầu cử thắng lợi và đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, hoàn thành kế hoạch Nhà nước. Ngày 25-4-1976, tiến hành cuộc bầu cử Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, thực sự là ngày hội lớn của nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh với trên 90% cử tri trong tỉnh đi bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử và Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá VI đã động viên, cổ vũ cán bộ, đảng viên và nhân dân toàn tỉnh Hà Nam Ninh hăng hái đẩy mạnh chiến dịch lao động sản xuất nhằm phát triển kinh tế - văn hoá, xã hội, góp phần xây dựng đất nước.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh, công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng được tăng cường, cổ vũ động viên nhân dân đoàn kết, đẩy mạnh sản xuất, phát huy sức mạnh của tỉnh hợp nhất. Việc củng cố tổ chức bộ máy và sắp xếp cán bộ được tiến hành khẩn trương. Bộ máy lãnh đạo, đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh và các cơ quan, ban, ngành ở tỉnh được sắp xếp ổn định.

Chiến dịch sản xuất, giải quyết vấn đề lương thực được đẩy mạnh theo Chỉ thị số 03-CT/TU, ngày 11-02-1976 của

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Chỉ thị nêu rõ: Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, giải quyết tốt vấn đề lương thực là mũi chủ công nhất trong 6 mũi tiến công của chiến dịch Hà Nam Ninh, là nhiệm vụ hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp, nhiệm vụ trung tâm quan trọng bậc nhất của toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, đến 31-7-1976 toàn tỉnh hoàn thành thu hoạch lúa và hoa màu vụ chiêm xuân. Tất cả các huyện đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nghĩa vụ lương thực Nhà nước giao. Do có thành tích sản xuất và huy động lương thực vụ chiêm xuân 1976, Đảng bộ và nhân dân các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng và Bình Lục được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ biểu dương (huyện Thanh Liêm đạt 102%, huyện Kim Bảng đạt 100% và huyện Bình Lục đạt 90% chỉ tiêu). Các hợp tác xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm; Vũ Lương, huyện Duy Tiên; Mỹ Thọ, huyện Bình Lục và Nhật Tân, huyện Kim Bảng được Bộ Lương thực và Thực phẩm tặng Bằng khen. Đối với vụ mùa, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương tiếp tục đẩy mạnh chiến dịch Hà Nam Ninh, quyết tâm giành vụ mùa thắng lợi to lớn, toàn diện cả về diện tích, năng suất và sản lượng, phát triển mạnh đàn gia súc, chuẩn bị tốt cho mở rộng vụ đông và vụ chiêm xuân năm 1977⁽¹⁾. Kết thúc năm 1976, mặc dù đầu vụ chiêm rét sớm, rét đậm kéo dài làm chết 40% diện tích mạ, vụ mùa nắng hạn, vật tư, xăng dầu thiếu, thời vụ lại căng thẳng, song với quyết tâm phấn đấu cao, sản xuất

(1). Nghị quyết ngày 05-4-1976 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh.

nông nghiệp vẫn giành được thắng lợi lớn. Năng suất lúa bình quân đạt 54,44 tạ/ha/năm, tăng 5% kế hoạch và 25% so với năm 1975. Sản lượng thóc đạt 824.336 tấn, vượt 9,6% kế hoạch, tăng 30,6% so với năm 1975 và 3,2% so với năm 1974. Tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm đạt 877.841 tấn, vượt 6,3% kế hoạch, tăng 29,8% so với năm 1975.

Cùng với toàn tỉnh, các huyện thuộc Hà Nam (cũ) có nhiều bước tiến trong sản xuất nông nghiệp. Trên địa bàn huyện Thanh Liêm, nhiều hợp tác xã đạt năng suất lúa từ 5 tấn/ha/năm trở lên như Thanh Sơn, xã Liêm Thuận, Lác Nội, xã Thanh Hương, Lại Xá, xã Thanh Tuyền, Bồng Lạng, xã Thanh Nghị, Khoái Quán, xã Liêm Sơn. Ở huyện Kim Bảng có 16 trên tổng số 34 hợp tác xã đạt năng suất từ 5 tấn đến 7,2 tấn/ha/năm, điển hình là hợp tác xã Tùng Thịnh, xã Đại Cường, góp phần đưa tổng sản lượng lương thực quy thóc của cả huyện lên 32.441,4 tấn, đạt 101% kế hoạch năm và vượt 25% so với năm 1975. Huyện Duy Tiên dẫn đầu về năng suất lúa của 8 huyện phía Bắc tỉnh, trong đó có 8 hợp tác xã đạt 5 tấn và 6 hợp tác xã là Yên Bắc, Châu Giang, Mộc Bắc, Trác Văn, Mộc Nam và Tiên Hải đạt trên 6 tấn thóc/ha/năm. Huyện Bình Lục, năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 5,6 tấn/ha/năm, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 47.125 tấn cả năm, đạt 125% kế hoạch và tăng 49% so với năm 1975. Huyện Lý Nhân, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 43.976 tấn, tăng 16,4% so với năm 1975.

Cây công nghiệp phát triển khá, diện tích cây công nghiệp của cả tỉnh vượt 5,6% so với kế hoạch, tăng 7,1% so với năm

trước; trong đó lạc đạt 117,3%, mía 114,7%, cói 115,2%, thuốc lá 107,8% và đay 104,8%. Một số cây trồng phục vụ nguyên liệu làm hàng xuất khẩu có giá trị được đưa vào sản xuất như cây dược liệu, cây dóc, cây dứa... Điển hình trồng cây dược liệu trung cất tinh dầu xuất khẩu như xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm; xã Đình Xá, huyện Bình Lục. Huyện Thanh Liêm đưa diện tích trồng dóc lên 184 ha vào năm 1976, trong đó xã Thanh Nghị trở thành điểm sáng của tỉnh về trồng dóc làm hàng xuất khẩu. Phong trào trồng cây dược đầy mạnh, toàn tỉnh trồng 21 triệu cây các loại, vượt 20% kế hoạch. Chăn nuôi được mở rộng, lợn lai kinh tế phát triển ở nhiều vùng, đàn bò tăng; một số cơ sở nuôi gà công nghiệp được xây dựng và đi vào sản xuất.

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, qui mô hợp tác xã được mở rộng. Thực hiện Chỉ thị số 208-CT/TW, tháng 9-1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 61-CP, ngày 05-4-1976 của Hội đồng Chính phủ *Về cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý nông - lâm nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, ngày 12-3-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 09-CT/TU *Về lập quy hoạch và kế hoạch hợp nhất mở rộng quy mô hợp tác xã*. Đồng thời, gắn với mở rộng quy mô hợp tác xã toàn xã, tiến hành xây dựng các cụm kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn huyện (gồm 5 đến 7 hợp tác xã toàn xã là một cụm), tỉnh cùng các huyện lựa chọn tập trung chỉ đạo một số hợp tác xã, cụm kinh tế - kỹ thuật trọng điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung. Thực hiện chủ trương của Trung ương, tỉnh quyết định chỉ đạo

ĐC: 549

THƯ VIỆN
TỈNH HÀ NAM

thí điểm cơ giới hóa nông nghiệp một số nơi trên địa bàn tỉnh, trong đó có cụm kinh tế - kỹ thuật khu B Bình Lục⁽¹⁾.

Ngày 02-8-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Thông báo số 30-TB/TU về duyệt quy hoạch mở rộng quy mô hợp tác xã nông nghiệp toàn xã đến năm 1980, gắn với hoàn thành các cụm kinh tế - kỹ thuật của các huyện, thành phố. Theo quy hoạch được duyệt, toàn tỉnh hình thành 54 cụm kinh tế - kỹ thuật, trong đó các huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm, Bình Lục đều có mỗi huyện 3 cụm kinh tế kỹ thuật và đưa nhiều hợp tác xã nông nghiệp lên quy mô toàn xã. Huyện Duy Tiên có 20 hợp tác xã, bình quân diện tích canh tác 525 ha/hợp tác xã; tương ứng như vậy ở huyện Lý Nhân có 25 hợp tác xã, 436 ha/hợp tác xã; Thanh Liêm có 23 hợp tác xã, 454 ha/hợp tác xã; Bình Lục 20 hợp tác xã, 537 ha/hợp tác xã; Kim Bảng có 15 hợp tác xã, 459 ha/hợp tác xã. Sau hợp nhất, sản xuất và công tác quản lý của hợp tác xã có tiến bộ, phương hướng sản xuất được xác định cụ thể hơn theo hướng tập trung, thâm canh, chuyên canh và mở rộng thêm ngành nghề. Nhiều hợp tác xã đã đo lại ruộng đất, điều tra, phân khoảnh, xếp hạng, tổ chức lại đồng ruộng, tận dụng san lấp mở rộng thêm diện tích canh tác, bố trí cây trồng và vật nuôi sát hợp với điều kiện tự nhiên. Lao động được tổ chức và phân công theo hướng chuyên môn hoá và hợp tác hoá, kết hợp mở rộng phân công lao động tại chỗ và đưa người đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Đội sản xuất được củng cố, quy mô được mở rộng thích hợp với yêu cầu của phân công lao động mới. Các tổ, đội chuyên môn làm đất, thủy nông, thủy lợi,

(1). Gồm 5 xã: Mỹ Thọ, An Đổ, La Sơn, Tiêu Động, An Lão.

giống, vận chuyển, chế biến phân, bảo vệ thực vật... được củng cố và xây dựng thêm, bước đầu phát huy tác dụng.

Công tác quản lý hợp tác xã có tiến bộ. Nhiều cơ sở xây dựng được kế hoạch sản xuất gắn với kế hoạch tài vụ và kế hoạch áp dụng tiến bộ kỹ thuật, thực hiện quản lý thống nhất và mở rộng chế độ kế toán mới (41 tài khoản). Bộ máy quản lý hợp tác xã được kiện toàn, bổ sung thêm cán bộ có năng lực; các bộ phận giúp việc được củng cố. Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ được quan tâm hơn. Các trạm, trại nông nghiệp được tổ chức lại. Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ nông nghiệp được xây dựng và tăng cường. Đến năm 1976, toàn tỉnh hoàn thành kế hoạch 3 năm hoàn chỉnh hệ thống thủy nông. Công tác quản lý thủy nông được chấn chỉnh, từng bước đi vào nền nếp. Nhiều hợp tác xã đã xây dựng và củng cố lại hệ thống sân phơi, nhà kho, chuồng trại chăn nuôi... tương ứng với quy mô mới.

Ngày 15-9-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp bàn về phân vùng nông, lâm, ngư nghiệp và phân bố sản xuất của tỉnh, đồng thời xác định tỉnh có 3 vùng kinh tế là vùng đồng bằng, vùng đồi núi và nửa đồi núi, vùng biển và ven biển. Trong đó ở khu vực Hà Nam, vùng đồng bằng bao gồm toàn bộ các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân, 16 xã của huyện Thanh Liêm, 14 xã của huyện Kim Bảng và thị xã Hà Nam; vùng đồi núi và nửa đồi núi gồm nông trường Ba Sao và 7 xã của huyện Kim Bảng, 8 xã của huyện Thanh Liêm. Đầu năm 1976, khu B huyện Bình Lục được tỉnh chọn làm thử cơ giới hoá đồng bộ trong nông nghiệp; kết quả vụ mùa 1976. khu B đã có 59% diện tích gieo cấy được cày bừa bằng máy.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản và giao thông vận tải đều có tiến bộ. Công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển. Trong tình hình nguyên liệu, vật tư có hạn, các ngành và cơ sở đã đề cao ý thức tự lực cánh sinh khắc phục khó khăn giữ vững và đẩy mạnh sản xuất. Năm 1976, giá trị sản lượng công nghiệp của tỉnh vượt 1,7% kế hoạch, tăng 10,1% so với năm 1975; trong đó nhóm A vượt 17% kế hoạch, tăng 14%, nhóm B đạt 97% và tăng 8,7% so với năm 1975. Toàn ngành thủ công nghiệp vượt mức kế hoạch cả năm 3,2%, tăng 20% so với năm trước. Các ngành điện, cơ khí, sản xuất vật liệu có tiến bộ trong phục vụ nông nghiệp và xây dựng cơ bản. Giá trị sản lượng ngành cơ khí tăng 23,6%, sản xuất vật liệu xây dựng tăng 7% so với năm 1975.

Năm 1976, trên địa bàn thị xã Hà Nam, tổng giá trị sản lượng công nghiệp quốc doanh đạt 10.281.000 đồng, tăng 18% so với năm 1974; công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của thị xã đạt trên 5 triệu đồng, tăng hơn 2 lần năm 1965 và là năm có tổng giá trị sản lượng cao nhất so với những năm trước. Nhiều mặt hàng có giá trị kinh tế phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu được phát triển nhanh như máy tuốt lúa, thuyền sắt, vì kèo sắt, dầu lạc, nước chấm, đồ mộc... Một số mặt hàng được đẩy mạnh sản xuất như khung xe đạp, vật liệu xây dựng, thảm len, thêu ren và có nhiều mặt hàng mới ra đời như bản lề, đinh, phụ tùng xe đạp, búp sợi, tua gối xuất khẩu v.v... Hợp tác xã Quyết Tiến, thị xã Hà Nam đã tự chế được máy đập đinh. Cũng trong năm 1976, tổng giá trị sản lượng tiểu thủ công

nghiệp của huyện Kim Bảng đạt 5.527.658 đồng (đạt 100% kế hoạch); huyện Lý Nhân đạt 10.900.000 đồng. Ở huyện Bình Lục, một số cơ sở sản xuất thủ công đạt và vượt kế hoạch năm như: Cơ khí Tiến Thành, giấy Tiên Phong, may mặc Quyết Tâm.

Để chuẩn bị Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, ngày 29-9-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh ra Chỉ thị số 26-CT/TU chỉ đạo các Đảng bộ huyện, thành phố, thị xã, các Đảng bộ trực thuộc và tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn tiến hành đại hội. Những ngày cuối tháng 10 đầu tháng 11-1976, Đảng bộ các huyện, thị xã đều tiến hành và hoàn thành đại hội, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Trong không khí phấn khởi chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, từ ngày 10 đến 21-11-1976, Đảng bộ Hà Nam Ninh tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ I (vòng 1). Dự Đại hội có 700 đại biểu, thay mặt cho 102.146 đảng viên ở 30 Đảng bộ huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị trực thuộc. Đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về dự Đại hội và ứng cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Đại hội tập trung nghiên cứu, thảo luận đề cương Báo cáo chính trị, dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) do Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) chuẩn bị, trình Đại hội lần thứ IV của Đảng. Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, gồm 41 đại biểu chính thức (trong đó có 9 đại biểu Trung ương giới thiệu) và 4 đại biểu dự khuyết.

Tháng 12-1976, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp tại Hà Nội thành công tốt đẹp, mang lại niềm tin tưởng sâu sắc và lòng tự hào phấn khởi cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Để quán triệt Nghị quyết Đại hội IV của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã mở lớp bồi dưỡng báo cáo viên về Nghị quyết Đại hội IV của Đảng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, học tập nghị quyết của Đại hội.

Từ ngày 21 đến 30-4-1977, tại Hội trường 3-2, thành phố Nam Định, Đảng bộ Hà Nam Ninh tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ I (vòng 2), có 700 đại biểu dự. Trong thời gian làm việc, các đại biểu nghe thông báo kết quả Đại hội IV của Đảng, nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng; thảo luận báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ sau hơn một năm hợp nhất tỉnh và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1976-1980), nhiệm vụ kế hoạch 2 năm (1977- 1978) và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ (1976-1980).

Đại hội khẳng định qua hơn một năm phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết hoàn thành nhanh, gọn, tốt việc hợp nhất tỉnh về mọi mặt, bước đầu phát huy sức mạnh của tỉnh mới và giành được những thắng lợi lớn, tương đối toàn diện trong chiến dịch Hà Nam Ninh, tạo tiền đề cho những bước phát triển sau. Thắng lợi nổi bật là lĩnh vực nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực. Với thành tích sản xuất và đóng góp lương thực năm 1976 cho Nhà nước, nhân dân Hà Nam Ninh được Chính phủ tặng

thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Thắng lợi đó là kết quả của việc thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp do Trung ương Đảng đề ra. Cùng với nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản và giao thông vận tải cũng đạt nhiều thành tích. Hoạt động của các ngành thương nghiệp, lương thực, tài chính, ngân hàng, giá cả có tiến bộ trong phục vụ sản xuất, đời sống và góp phần tăng cường quản lý kinh tế. Sự nghiệp giáo dục, văn hoá, y tế, thông tin, thể dục thể thao, bảo vệ bà mẹ trẻ em tiếp tục phát triển. Công tác thương binh, xã hội, đảm bảo đời sống nhân dân được quan tâm. Nhiệm vụ quân sự địa phương được triển khai toàn diện, tăng cường trật tự an ninh, kiện toàn bộ máy và từng bước phát huy hiệu lực quản lý của chính quyền. Phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội được nhiều ngành, nhiều cấp, đoàn thể tham gia sôi nổi với nhiều hình thức phong phú. Quyền làm chủ tập thể của quần chúng từng bước được phát huy. Các đoàn thể quần chúng được củng cố và xây dựng. Qua thực tế lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ được rèn luyện, trưởng thành cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và năng lực lãnh đạo.

Đại hội nêu rõ nguyên nhân thắng lợi và cũng chỉ ra những nhược điểm, thiếu sót cần khắc phục trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, trong hoạt động kinh tế và phong trào chung của tỉnh.

Phương hướng, nhiệm vụ chung của Đảng bộ và nhân dân Hà Nam Ninh trong 5 năm (1976-1980) được Đại hội

xác định là: Tăng cường sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, lấy cơ khí hoá làm khâu trung tâm; tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý kinh tế theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhằm khai thác tốt mọi tiềm lực về lao động, đất đai, tài nguyên, phát huy thế mạnh của ba vùng kinh tế trong tỉnh; ra sức đẩy mạnh sản xuất và xây dựng, trước hết giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm và phân bố sử dụng lao động, nhanh chóng hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, bảo đảm kết hợp chặt chẽ công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, tiêu dùng trong tỉnh với đóng góp cho Nhà nước và xuất khẩu, kinh tế và quốc phòng, phấn đấu xây dựng Hà Nam Ninh sớm trở thành một tỉnh công - nông nghiệp, có quốc phòng địa phương vững mạnh, có đời sống vật chất, văn hoá phong phú, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa⁽¹⁾.

Một số mục tiêu phấn đấu của tỉnh đến năm 1980 được Đại hội xác định là: Lương thực đạt 1,2 triệu tấn, bình quân 500kg/người/năm; đàn lợn đạt 1 triệu con (1 vạn tấn thịt hơi), 1 vạn tấn cá biển, 2 vạn tấn cá nước ngọt, 14 vạn

(1). Báo cáo tình hình và nhiệm vụ tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ I (vòng 2), tr.14, 15.

tấn muối, 15 triệu lít nước chấm. Giảm tỷ lệ tăng dân số xuống 1,5%, đưa 40 vạn người đi xây dựng kinh tế mới. Tổng giá trị sản lượng công nghiệp, nông nghiệp đạt 1.350 triệu đồng. Thu nhập quốc dân bình quân tăng 12% - 13%, trong đó mỗi năm giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 15%, công nghiệp tăng 15,8%; vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng 18,5%; giá trị hàng hoá luân chuyển tăng 18,8%. Đạt 3 mục tiêu: 7 tấn thóc/ha, 2,3 con lợn/ha và 1 lao động nông nghiệp làm 1,5 ha gieo trồng trong 1 năm. Trong hai năm 1977-1978, phải tập trung sức làm cho nông nghiệp có bước phát triển vượt bậc và toàn diện, thực hiện 3 mục tiêu: 6 tấn thóc, 2,1 con lợn và 1 lao động/0,9 ha gieo trồng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá I gồm 39 uỷ viên (35 uỷ viên chính thức, 4 uỷ viên dự khuyết). Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, bầu đồng chí Phan Điền làm Bí thư Tỉnh uỷ, các đồng chí Tạ Quang và Trần Văn Soạn làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Nhằm xây dựng và tăng cường cấp huyện thành đơn vị quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển và tổ chức lại sản xuất theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ngày 27-4-1977, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 125-CP về hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện, thị xã thuộc tỉnh Hà Nam Ninh. Theo đó, ở khu vực Hà Nam hợp nhất huyện Kim Bảng, huyện Thanh Liêm và thị xã Hà Nam thành một huyện lấy tên là Kim Thanh; thị xã Hà Nam chuyển thành



Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ nhất, năm 1976

thị trấn huyện lỵ gọi tên là thị trấn Hà Nam. Sáp nhập 9 xã của thành phố Nam Định vào huyện Bình Lục là: Mỹ Thịnh, Mỹ Thuận, Mỹ Tiến, Mỹ Thành, Mỹ Hà, Mỹ Thắng, Mỹ Phúc, Mỹ Hưng, Mỹ Trung⁽¹⁾. Thực hiện Quyết định 125-CP của Chính phủ, ngày 2-5-1977, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 01-CT/TU *Về tiến hành nhanh gọn, tốt việc hợp nhất một số huyện, thị xã*. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ yêu cầu việc hợp nhất, điều chỉnh địa giới các huyện, thị xã phải được tiến hành nhanh, gọn, tốt trên tất cả các mặt tư tưởng, tổ chức quản lý, bàn giao tài sản và phát động được phong trào quần chúng sôi nổi thi đua đẩy mạnh mọi mặt công tác trước mắt, bắt tay ngay vào việc điều hành thống nhất theo huyện mới.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự giúp đỡ của các ngành, sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân, trong một thời gian ngắn, các huyện đã căn bản hoàn thành công tác tổ chức bộ máy và đi vào hoạt động, tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hai năm 1977-1978 do Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra.

Như vậy, trên địa bàn Hà Nam thuộc tỉnh Hà Nam Ninh đến thời điểm này có 4 đơn vị hành chính cấp huyện là: Kim Thanh, Duy Tiên, Lý Nhân và Bình Lục. Trong thời gian từ 1976-1978, trên địa bàn Hà Nam, Chính phủ còn quyết định

(1). *Việt Nam những thay đổi địa danh và địa giới các đơn vị hành chính 1945-1997*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội -1997, tr.244, 245.

hợp nhất, điều chỉnh một số xã⁽¹⁾. Các địa phương đã thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ I Đảng bộ tỉnh, đặc biệt là các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội hai năm 1977-1978, các cấp uỷ Đảng đã quan tâm chỉ đạo sâu sát, cụ thể. Trong những năm trước mắt, phải phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là vấn đề lương thực, thực phẩm tạo ra những điều kiện vật chất thuận lợi để thực hiện yêu cầu cơ bản và cấp bách là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Ngày 7-

(1). Quyết định số 1506-TCCP, ngày 18-12-1976 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng. Huyện Bình Lục sát nhập xã Quế Sơn với xã Hoà Bình thành xã An Lão. Huyện Duy Tiên: xã Tiên Thắng với xã Tiên Yên thành xã Yên Bắc; xã Trác Bút với xã Chuyên Nội và thôn Duyệt Giang (xã Tân Yên) thành xã Châu Giang.

- Quyết định số 617-VP18, ngày 23-2-1977 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng. Huyện Kim Bảng: xã Khả Phong với xã Ba Sao thành xã Khả Phong. Huyện Thanh Liêm: thôn Đại Vương, xã Thanh Tâm nhập vào xã Thanh Nguyên. Huyện Lý Nhân: xã Chính Lý với xã Hùng Lý thành xã Chính Lý; xã Nguyên Lý với xã Hoà Lý thành xã Nguyên Lý; xã Tân Lý với xã Chân Hồng thành xã Chân Lý; xã Nhân Hoà với xã Nhân Hậu thành xã Hoà Hậu.

- Quyết định ngày 3-5-1977. Huyện Kim Thanh: xã Thanh Châu với xã Liêm Chung thành xã Thanh Chung; xã Thanh Tuyền với xã Thanh Lâm thành xã Thanh Tuyền; xã Liêm Chính với xã Liêm Tuyền thành xã Thanh Giang.

- Quyết định số 22-BT, ngày 1-2-1978, của Bộ trưởng Phủ Thủ tướng. Huyện Lý Nhân: xã Nhân Tiến với xã Nhân Thắng thành xã Tiến Thắng.

- Quyết định số 52-BT, ngày 27-3-1978 của Bộ trưởng Phủ Thủ tướng. Huyện Lý Nhân: xã Nhân Phú với xã Nhân Phúc thành xã Phú Phúc; xã Bảo Lý với xã Chung Lý thành xã Bắc Lý.

1-1977, Tỉnh uỷ phát động phong trào *Đông khởi thi đua xã hội chủ nghĩa tiến quân mạnh mẽ vào chiến dịch Hà Nam Ninh (đợt 2)*, với 6 mũi tiến công và 3 khâu quyết định nhằm phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 1977, sản xuất nông nghiệp gặp thời tiết diễn biến phức tạp: đầu năm rét đậm kéo dài, giữa năm mưa bão gây úng ngập ở nhiều nơi làm thiệt hại cho sản xuất. Trước khó khăn về thời tiết, ngày 28-02-1977, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết yêu cầu các cấp, các ngành, các đơn vị tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Tiếp theo, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động cuộc tổng tiến công 25 ngày (từ 10-7 đến 05-8-1977) giành vụ mùa, vụ thu toàn thắng. Được sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, các huyện đã tích cực vượt qua khó khăn của thời tiết khắc nghiệt, bảo đảm tốt kế hoạch diện tích gieo trồng cả năm, toàn tỉnh đạt 361.198 ha, đạt 92% kế hoạch, tăng 5.200 ha so với năm 1976, trong đó diện tích lúa cả năm đạt 300.435 ha. Năng suất lúa cả năm bình quân toàn tỉnh đạt 42,6 tạ/ha. Diện tích đay gấp 2 lần, cây dược liệu trung cất tinh dầu gấp 3 lần. Diện tích màu trong cây lương thực từ 6% năm 1976, lên 7,3% năm 1977. Phong trào sản xuất tự túc lương thực, thực phẩm của các cơ quan, xí nghiệp, phong trào trồng màu lương thực vụ đông được đẩy mạnh và tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi. Vụ đông 1977-1978, toàn tỉnh trồng 23.683 ha, trong đó màu lương thực đạt 14.007 ha, chiếm 59,1% tổng diện tích vụ đông, riêng khoai tây từ 3.691 ha, lên 5.003 ha. Sản lượng một số cây công nghiệp đạt khá là lạc, đay, mía và thuốc lá. Chăn

nuôi trâu, bò và lợn không đạt kế hoạch, giảm sút hơn các năm trước; đàn lợn cố gắng duy trì ở mức 640.458 con, đạt 91% so với cùng kỳ 01-10-1976. Năm 1977, tỉnh hoàn thành xây dựng 3 trại giống lúa cấp II của tỉnh, trong đó có trại Đồng Văn 50 ha; xây dựng 3 trại bò đầu cấp II, trong đó có trại ở Bình Lục.

Trong bối cảnh chung của cả tỉnh, sản xuất nông nghiệp ở các huyện Kim Thanh, Duy Tiên, Lý Nhân, Bình Lục cũng bị giảm sút so với kế hoạch cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Năm 1977, diện tích lúa cả năm của huyện Kim Thanh đảm bảo được 97% kế hoạch, năng suất chỉ đạt bình quân 32,84 tạ/ha, sản lượng lương thực quy thóc đạt 45.574 tấn (hụt 34.155 tấn so với kế hoạch), trong đó thóc đạt 43.765 tấn (giảm 21.252 tấn so với năm 1976); tổng đàn lợn chỉ đạt 69% kế hoạch và bằng 83% năm 1976. Huyện Duy Tiên, sản lượng lương thực quy thóc chỉ đạt 31.459 tấn, đạt 80,2% kế hoạch, trong đó có 29.574 tấn thóc, đạt 83% kế hoạch. Huyện Bình Lục, năng suất lúa đạt bình quân 43,93 tạ/ha/năm. Mặc dù sản xuất nói chung giảm sút, nhưng nhiều hợp tác xã vẫn đạt 5 tấn/ha trở lên như Nhật Tân, Đại Cường, Thanh Tuyên, Thanh Hà, Thanh Nguyên, Liêm Thuận, huyện Kim Thanh; Mỹ Thọ, An Đổ, An Lão, Mỹ Thắng, An Mỹ và La Sơn, huyện Bình Lục. Huyện Lý Nhân xuất hiện các hợp tác xã thâm canh và sản xuất vụ đông giỏi như Đạo Lý, Nguyên Lý, Tân Lý, Chân Lý, Hợp Lý, Nhân Nghĩa và Nhân Khang. Năm 1977, huyện Duy Tiên được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích phòng chống lũ lụt, bảo vệ an toàn mùa màng, tính mạng và tài sản của nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) và cụ thể hoá thêm Nghị quyết Đại hội lần thứ I Đảng bộ tỉnh, ngày 15-11-1977, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp Hội nghị lần thứ ba, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp của tỉnh và xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông - lâm - ngư nghiệp đến năm 1980. Hội nghị quyết định: *Đẩy lên cao trào lao động sản xuất, phấn đấu làm cho nông nghiệp có bước phát triển toàn diện, nhằm đạt 4 mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ đề ra.* Hội nghị đề ra những chủ trương và biện pháp lớn là: Hoàn thành công tác điều tra, phân vùng quy hoạch nông- lâm - ngư nghiệp và quản lý chặt chẽ các loại đất đai. Thâm canh cao trên toàn bộ diện tích và đẩy mạnh tăng vụ. Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kỹ thuật, xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu thâm canh, tăng vụ và từng bước mở rộng cơ giới hoá nông nghiệp; đẩy mạnh việc tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý chặt chẽ, củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp. Phát triển công nghiệp, gắn công nghiệp với nông nghiệp. Chú trọng công tác tài chính, tín dụng, thương nghiệp, giá cả phục vụ nông nghiệp. Tăng cường công tác tư tưởng, văn hoá và đào tạo cán bộ, xây dựng huyện và tổ chức sản xuất trên địa bàn huyện.

Sau Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, ngày 05 và 06-12-1977, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã lãnh đạo phát động chiến dịch Hà Nam Ninh đợt 3 và tập trung chỉ đạo sản xuất rau màu, lương thực.

Cuối tháng 02-1978, Đảng bộ và nhân dân Hà Nam Ninh vinh dự được đón Tổng Bí thư Lê Duẩn về thăm. Ngày 28-02-1978, Tổng Bí thư đến thăm xưởng dệt thảm đay xuất khẩu của hợp tác xã Châu Giang, huyện Duy Tiên. Tổng Bí thư Lê Duẩn về thăm là nguồn động viên, cổ vũ Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh phấn đấu hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa 5 năm (1976 - 1980).

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng⁽¹⁾, ngày 4-4-1978, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp lần thứ tư, đánh giá tình hình xây dựng và phát triển kinh tế - văn hoá, xã hội năm 1977 và ra Nghị quyết *Về nhiệm vụ kinh tế - văn hoá năm 1978* của tỉnh. Hội nghị nêu rõ: “Năm 1978, toàn tỉnh phải ra sức tạo cho được thế vững chắc về lương thực - thực phẩm, phát triển mạnh vụ đông, chăn nuôi và cây công nghiệp; đồng thời đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu; tích cực xây dựng và phát huy tác dụng các ngành công nghiệp cơ khí, điện, vật liệu xây dựng và giao thông vận tải, hình thành rõ sự gắn bó giữa nông nghiệp với công nghiệp từ cơ sở, trên địa bàn huyện và trong tỉnh⁽²⁾.”

Hội nghị đề ra những nhiệm vụ chủ yếu của năm 1978 là: Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, giành cho được thắng lợi vững chắc về lương thực, thực phẩm. Ra sức phát triển

(1). *Đảng Cộng sản Việt Nam: văn kiện Đảng toàn tập, Tập 38 (1977)*, Nxb CTQG, H.2005, tr.494. *Nghị quyết Hội nghị Trung ương ba kỳ ban hành ngày 07-01-1978, số 06-NQ/TW (Sđd, tr.584)*.

(2). *Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh: Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, ngày 04-4-1978 về nhiệm vụ kinh tế - văn hoá năm 1978*.

công nghiệp, tích cực phát triển sản xuất hàng tiêu dùng. Đẩy mạnh phát triển mặt hàng xuất khẩu. Tăng cường mạng lưới giao thông vận tải. Chấn chỉnh và đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản. Cải tiến và tăng cường công tác lưu thông, phân phối, tài chính, ngân hàng. Đẩy mạnh cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý từ cơ sở trên địa bàn huyện và các ngành kinh tế trong tỉnh. Tích cực phát triển văn hoá, thường xuyên chăm lo cải thiện đời sống của nhân dân.

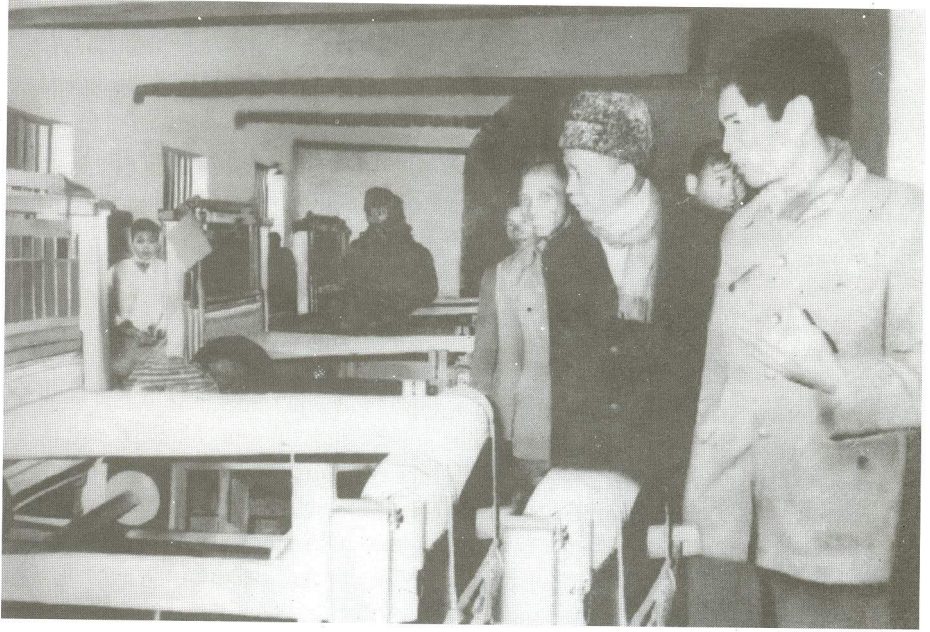
Tiếp theo Hội nghị lần thứ tư, ngày 06-6-1978, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp phát động chiến dịch “*Thu chiêm, làm mùa, triển khai vụ thu đông*” kết thúc thắng lợi 3 năm chiến dịch Hà Nam Ninh.

Quán triệt các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, 3, 4 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) và chủ trương của các Hội nghị lần thứ 3, 4, 5 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh quyết tâm khắc phục nhiều khó khăn, nhất là vượt qua trận mưa lớn gây úng lụt làm thiệt hại nặng về lúa, màu và tài sản ở nhiều huyện cuối tháng 9-1978, trong đó có huyện Kim Thanh và Duy Tiên, tập trung sức đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm. Đến cuối năm 1978, diện tích gieo trồng cả năm của toàn tỉnh đạt 365.586 ha, đạt 95,6% kế hoạch, tăng 1,2% so với năm 1977. Đây là năm có diện tích cây trồng cao nhất so với các năm trước đó. Trong đó, diện tích cây màu lương thực đạt 30.966 ha. Phong trào làm màu vụ đông chuyển biến khá, vụ đông năm 1978-1979 đạt 31.758 ha, tăng 8.075 ha so với vụ đông năm 1977-

1978; trong đó có trên 18.000 ha khoai tây. Do ảnh hưởng của trận lũ lụt tháng 9 và mưa lớn tháng 10 nên năng suất lúa cả năm đạt bình quân 37,87 tạ/ha; tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 646.215 tấn, bằng 94,2% năm 1977, trong đó màu quy thóc đạt 78.796 tấn (tăng 67%), nâng tỷ lệ màu trong lương thực tăng từ 6,8% lên 12,1%. Sản lượng một số cây công nghiệp chủ yếu tăng khá như: cói tăng 47,3%, đay tăng 19,1%, thuốc lá tăng 1,6%. Phong trào trồng cây tiếp tục được duy trì, toàn tỉnh trồng 24,5 triệu cây phân tán các loại, tăng 4% so với năm 1977.

Mặc dù sản xuất lương thực giảm sút, nhưng chăn nuôi vẫn được giữ vững và có mặt phát triển. Năm 1978, đàn lợn đạt 644.842 con (tăng 0,6%), trong đó đàn lợn nái có 92.159 con (tăng 7,4%), đàn lợn của tập thể đạt 117.359 con (tăng 4,7% so với năm 1977); sản lượng thịt hơi đạt 18.000 tấn, bằng 90% năm 1977. Về chăn nuôi, đàn bò đạt 15.225 con (tăng 1,5%), đàn trâu 84.447 con (tăng 0,3%); từng bước lai tạo trâu Mura, năm 1978 lai được 463 con. Đàn gia cầm tăng 16,2%, trong đó đàn vịt được khôi phục và phát triển nhanh, đạt 283.200 con. Nuôi thả cá tăng 49%.

Đi đôi với sản xuất nông nghiệp, trong ngành công nghiệp tiếp tục phấn đấu khắc phục khó khăn về nguyên liệu, vật tư, phụ tùng thay thế và năng lượng để giữ vững sản xuất. Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất tiếp tục phát triển và thu được kết quả. Tổng giá trị sản lượng công nghiệp địa phương đạt 322.225.000 đồng, bằng 96,2% kế hoạch (tăng 3,8% so với năm 1977);



*Đông chí Lê Duẩn - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng
(thứ 2 từ phải qua trái) thăm Xưởng dệt thảm đay xuất khẩu của hợp
tác xã Châu Giang, huyện Duy Tiên, ngày 28/2/1978*

trong đó nhóm A tăng 6,5%, nhóm B tăng 2,5%. Quán triệt phương hướng gắn công nghiệp với nông nghiệp, các ngành chủ yếu đều tăng so với năm 1977⁽¹⁾; diện phục vụ nông nghiệp cố cố gắng, đặc biệt là phục vụ chống úng lụt. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp thuộc Liên hiệp hợp tác xã quản lý tăng 7%. Thủ công nghiệp trong khu vực nông nghiệp đạt 73 triệu đồng, tăng 12% so với năm 1977. Sản xuất hàng xuất khẩu và tiêu dùng đều có chuyển biến, trong đó hàng thủ công mỹ nghệ tăng 7,5%; nghiên cứu sản xuất thử một số mặt hàng đạt kết quả như: chuông xe đạp, dĩa, van ô tô, men vi sinh cho chăn nuôi, máy chế biến hoa màu trang bị cho hợp tác xã nông nghiệp...

Công tác xây dựng cơ bản cố cố gắng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp và các ngành kinh tế - văn hoá. Quý 1 năm 1978, Đảng bộ và nhân dân các huyện Kim Thanh, Duy Tiên, Bình Lục và Lý Nhân hoàn thành tốt việc huy động lực lượng đào đắp nền đường công trình đường sắt vào Nhà máy xi măng Bút Sơn, đoạn từ cầu Độ Xá đến ga Kiện Khê, với khối lượng gần 80.000m³ đất đá, kịp thời phục vụ cho việc thi công lắp đặt đường ray⁽²⁾. Giao thông vận tải tập trung vận chuyển kịp thời vật tư, hàng hoá ngoài tỉnh về và phục vụ yêu cầu đột xuất đưa nhân dân đi vùng kinh tế mới, đi các tỉnh biên giới và phục vụ chống lũ lụt. Khối lượng vận chuyển tăng 14,2%

(1). Trong đó, cơ khí tăng 14,2%; hoá chất, cao su tăng 10,8%; dệt, da, may, nhuộm tăng 2,3%...

(2). Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam, Những sự kiện lịch sử Đảng bộ Hà Nam (1975 -2000), xuất bản 2004, tr. 68.

về tấn/km; vận chuyển hành khách tăng 11% về người và 1,1% về người/km.

Năm 1978, mặc dù sản xuất chậm phát triển, nhưng toàn tỉnh vẫn hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước. Nghĩa vụ lương thực cả năm đạt 105.834 tấn, bằng 100,8% kế hoạch; thịt lợn hơi đạt 11.200 tấn, đạt 100,8% kế hoạch và bằng 94,1% so với năm 1977. Giá trị hàng xuất khẩu đạt 53 triệu đồng, bằng mức năm 1977. Tháng 5-1978, toàn tỉnh hoàn thành thắng lợi công tác thu đổi tiền, đảm bảo nhanh gọn, bí mật, an toàn. Sau thu đổi tiền, tỉnh có nhiều biện pháp tích cực để quản lý tiền - hàng, khắc phục một bước tình trạng lỏng lẻo trong công tác quản lý.

Sau 3 năm hợp nhất tỉnh, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, cán bộ, đảng viên và nhân dân Hà Nam Ninh vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và giành được thắng lợi tương đối toàn diện trong xây dựng kinh tế - xã hội và phát triển văn hoá. Ba năm (1976-1978) so với 3 năm (1973-1975), tổng sản phẩm xã hội tăng 11,8%, giá trị tổng sản lượng công - nông nghiệp tăng 12,3%; sản lượng lương thực tăng 4%, giá trị thu mua lương thực, nông sản tăng 15,4%, giá trị hàng xuất khẩu tăng 88%, vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong cả hai khu vực Nhà nước và tập thể tăng 22%, tăng cường một bước năng lực sản xuất của các ngành kinh tế, nhất là thủy lợi, nông nghiệp và công nghiệp. Lực lượng vận tải phát triển, khối lượng hàng hoá vận chuyển tăng 32%, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, thông tin tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Việc phân bố lao động xã hội trong tỉnh và phân công sử dụng lao động trong nông nghiệp bước đầu có chuyển biến. Lao động sản xuất công nghiệp từ 14% năm 1975, tăng lên 19% năm 1978; lao động ngành xây dựng từ 8%, lên 9%; lao động nông nghiệp từ 70%, giảm xuống 64%. Cơ cấu lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp có sự chuyển dịch đáng kể: Lao động trồng trọt từ 82% năm 1975, giảm xuống 78% năm 1978; lao động chăn nuôi tập thể từ 1,8%, lên 2,3%, lao động ngành nghề từ 2,6%, lên 12,5%; lao động xây dựng cơ bản từ 5%, lên 8%.

Tuy nhiên, so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra, những kết quả đạt được còn thấp. Sự mất cân đối lớn trong phát triển kinh tế - xã hội chẳng những không thu hẹp mà còn gay gắt thêm. Sản xuất lương thực giảm sút (năm 1976 đạt 87,7 vạn tấn, năm 1977 xuống còn 68,6 vạn tấn và năm 1978 còn 64,6 vạn tấn), trong khi tỷ lệ tăng dân số giảm chậm (năm 1976 là 2,84%, đến năm 1978 còn 2,58%). Bình quân lương thực đầu người trong tỉnh ngày càng thấp (năm 1976 bình quân 335 kg/người, năm 1977 là 258 kg và năm 1978 còn 240 kg/người). Do sản xuất giảm sút nên đóng góp với Nhà nước ngày càng giảm (năm 1976 đạt 17 vạn tấn, năm 1977 là 11 vạn tấn và năm 1978 còn 10 vạn tấn). Lương thực tiêu dùng cho toàn tỉnh hai năm (1977-1978) mỗi năm thiếu khoảng 9 vạn tấn quy thóc. Hàng hoá xuất khẩu và giao nộp cho Trung ương còn thấp xa so với giá trị hàng hoá, vật tư, thiết bị... mà Nhà nước cung ứng cho địa phương. Tiềm năng về lao động, đất đai, thiết bị chưa được sử dụng tốt.

Trước tình hình giảm sút về kinh tế của tỉnh, từ ngày 9 đến 13-01-1979, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (họp mở rộng), đánh giá 3 năm thực hiện chiến dịch Hà Nam Ninh và ra Nghị quyết *Về nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 1979*. Hội nghị xác định, nhiệm vụ chung năm 1979 là ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng và an ninh bảo vệ Tổ quốc; xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển cho những năm sau, tạo sự chuyển biến mới về sản xuất lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, phát huy tiềm lực lao động và đất đai trong tỉnh.

Hội nghị xác định một số mục tiêu phấn đấu năm 1979: Sản xuất 1 triệu tấn lương thực, trong đó có 77 vạn tấn thóc, màu quy thóc từ 15 vạn tấn đến 33 vạn tấn; đóng góp cho Nhà nước 13 vạn tấn lương thực. Chăn nuôi đạt từ 65 vạn đến 85 vạn con lợn. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 80 triệu đồng. Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 370 triệu đồng, trong đó ngành nghề trong nông nghiệp đạt 80 triệu đồng. Mỗi gia đình nông thôn làm thêm 200 kg lương thực. Bình quân mỗi người gửi tiết kiệm 55 đồng/năm. Để thực hiện nhiệm vụ chung và những mục tiêu phấn đấu trong năm 1979, Hội nghị đề ra 8 biện pháp cụ thể nhằm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ đối với các cấp, các ngành và các lĩnh vực của tỉnh. Thực hiện sự thống nhất trong chỉ đạo và hành động, từ ngày 16 đến 19-01-1979, Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt các xã toàn tỉnh để quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ

năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Tại Hội nghị này, hợp tác xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục được báo cáo điển hình về tổ chức lại sản xuất, thực hiện phương hướng thâm canh.

Trong bối cảnh hết sức khó khăn của tình hình trong nước, để tìm lối thoát cho nền kinh tế vốn đang bị ràng buộc bởi cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp, từ ngày 18 đến 27-8-1979, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) họp Hội nghị lần thứ 6. Trên cơ sở phân tích tình hình kinh tế và những khuyết điểm lớn trong chỉ đạo, Hội nghị thông qua hai Nghị quyết quan trọng: Nghị quyết số 20-NQ/TW *Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách*, Nghị quyết số 21-NQ/TW *Về phương hướng nhiệm vụ phát triển hàng công nghiệp tiêu dùng và hàng công nghiệp địa phương*.

Các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng là tín hiệu đổi mới, khởi đầu của quá trình tìm kiếm giải pháp thoát khỏi trì trệ của nền kinh tế. Đồng thời là những định hướng lớn cho các địa phương từng bước tháo gỡ những rào cản, khó khăn trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện mới.

Năm 1979, Đảng bộ và nhân dân Hà Nam Ninh phải đương đầu với những khó khăn, thử thách do âm mưu phá hoại của kẻ thù, do thiên tai liên tiếp xảy ra và những thiếu thốn, mất cân đối của nền kinh tế cả nước nói chung và của tỉnh nói riêng. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban

Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV), Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và hưởng ứng chiến dịch Trần Hưng Đạo do Tỉnh uỷ phát động⁽¹⁾. Mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh ra sức phát huy thuận lợi, tích cực khắc phục khó khăn, bền bỉ phấn đấu đưa diện tích cây lương thực lên 336.785 ha, bằng 97,5% kế hoạch, so với năm 1978 tăng 1,8%; đặc biệt diện tích cây màu lương thực tăng nhanh, đạt 43.098 ha, bằng 90,1% kế hoạch, tăng 12.132 ha so với 1978. Diện tích cây vụ đông năm 1979-1980, toàn tỉnh trồng được 34.573 ha, tăng 2.819 ha so với vụ đông năm 1978-1979; trong đó khoai tây đạt 15.106 ha và khoai lang đạt 10.793 ha. Hợp tác xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân là một trong số hợp tác xã có diện tích cây vụ đông cao nhất tỉnh.

Phong trào làm thủy lợi, làm phân bón và chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho lúa khá hơn mọi năm. Trong năm, toàn tỉnh huy động 3,25 triệu ngày công và trên 12,4 triệu đồng làm thủy lợi, đào đắp 2,5 triệu m³ đất (đạt 103% kế hoạch), xây đúc gần 34.000 m³ đá, gạch, bê tông, đưa thêm 10 trạm bơm điện vào phục vụ tưới tiêu; trong đó có các trạm bơm Giáp Ba, Ngòi Ruột và Nga Nam, huyện Kim Thanh; Chợ Lương, huyện Duy Tiên. Riêng đợt tổng công kích 90 ngày đêm cuối năm 1979 của chiến dịch Trần Hưng Đạo, toàn tỉnh đào đắp 3,8 triệu m³ đất thủy lợi. Nhiều hợp tác xã đã tích cực làm tiểu thủy nông, làm thêm bờ

(1). Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp ngày 12-12-1978 ra Nghị quyết số 18-NQ/TU về phát động chiến dịch Trần Hưng Đạo năm (1979-1980).

vùng, nương máng. Toàn tỉnh làm trên 83 vạn tấn phân hữu cơ, lượng phân bón đạt bình quân trên 6 tấn/ha/vụ, đưa năng suất lúa cả 2 vụ đạt bình quân 42,37 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 712.443 tấn, tăng 10,2% so với năm 1978; trong đó sản lượng màu quy thóc đạt 608 tấn.

Đối với cây công nghiệp, việc chỉ đạo chưa được chú ý đúng mức cả về quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, chính sách thu mua, giá cả, giải quyết lương thực cho vùng chuyên canh còn chậm. Do đó diện tích cây công nghiệp giảm, năng suất thấp. Toàn tỉnh trồng 13.000 ha cây công nghiệp các loại, trong đó có một số cây chủ lực như lạc, mía, đay, cói, thuốc lá. Tình trạng cây công nghiệp giảm sút làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Về chăn nuôi gia súc, gia cầm. Đến 01-10-1979, toàn tỉnh có tổng đàn lợn đạt 673.445 con, tăng 3,6% so với kế hoạch và 4,4% so với cùng kỳ 1978; trong đó lợn nái có 98.268 con, bằng 98,2% kế hoạch và tăng 6,6% so với năm trước. Tổng đàn lợn của tập thể có 124.478 con, tăng 3,6% kế hoạch và 6% so với năm 1978. Riêng đàn trâu, bò trong tỉnh tiếp tục giảm sút, so với kế hoạch và với cùng kỳ năm 1978 chỉ đạt trên 90%; trong đó có 79.446 con trâu và 14.408 con bò. Chăn nuôi vịt có 328 ngàn con, tăng 16% so với năm 1978.

Ngày 01-3-1979, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh phát động phong trào xây dựng “Ao cá Bác Hồ”. Thực hiện phong trào này, đến cuối năm 1979 toàn tỉnh có 226 cơ sở

đã xây dựng hồ, ao với diện tích 1.850 ha (tăng 15% so với năm 1978), thả hơn 46 vạn con cá giống. Trên địa bàn Hà Nam, các xã Tiên Tân, Mộc Nam, huyện Duy Tiên còn thành lập tổ chuyên trách chăm sóc, nuôi cá ở ao cá Bác Hồ; hợp tác xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên: Bối Cầu, huyện Bình Lục duy trì tốt chế độ ăn cho cá. Các huyện Duy Tiên, Kim Thanh, Bình Lục có kế hoạch, biện pháp huy động, quản lý chặt chẽ đàn cá giống để thả trong ao cá Bác Hồ. Cùng với hợp tác xã Tiên Tân, Bối Cầu thì Kim Bình, huyện Kim Thanh là những đơn vị trong số 17 đơn vị của tỉnh đạt 4 tiêu chuẩn và được công nhận “Ao cá Bác Hồ”. Huyện Duy Tiên nhiều năm liền có phong trào nuôi cá khá của tỉnh và là điển hình toàn diện cả về sản xuất cá giống, nuôi cá thịt và xây dựng “Ao cá Bác Hồ”.

Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp có nhiều khó khăn, vì nhiều loại vật tư, nguyên liệu Nhà nước cung cấp chỉ đạt trên dưới 50%, diện cung cấp chỉ bảo đảm 1/3 yêu cầu sản xuất. Song, nhiều đơn vị đã nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, khai thác nguyên liệu tại địa phương, tận dụng phế liệu, phế phẩm, tìm nguồn vật tư thay thế, trao đổi hai chiều trong tỉnh và với tỉnh bạn để duy trì sản xuất. Giá trị sản lượng đạt 310 triệu đồng, bằng 97% kế hoạch và bằng 96,9% năm 1978. Các hợp tác xã thủ công nghiệp (do Liên hiệp hợp tác xã quản lý) ở Kim Thanh, Lý Nhân, Bình Lục hoàn thành định mức kế hoạch năm 1979. Chỉ riêng huyện Kim Thanh, giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 1979 đạt 20.981.000 đồng, bằng 118% kế hoạch, trong đó thị trấn Hà Nam chiếm 1/3 tổng giá trị toàn huyện.

Trong tỉnh có 31 xí nghiệp quốc doanh được chỉ đạo thực hiện Điều lệ xí nghiệp quốc doanh. trong số đó có nhiều xí nghiệp hoàn thành tốt 9 chỉ tiêu sản xuất của năm 1979, xây dựng và ổn định phương hướng mặt hàng, bước đầu cải tiến bộ máy chỉ đạo sản xuất, xây dựng xong hệ thống nội quy xí nghiệp. Tỉnh cũng phân cấp quản lý cho huyện 31 xí nghiệp quốc doanh. Khu vực thủ công nghiệp chi trên 300.000 đồng đào tạo thêm trên 1 vạn lao động; trong đó có 1.280 lao động thuộc khu vực hợp tác xã chuyên nghiệp và 9.357 lao động làm thủ công nghiệp ở các hợp tác xã nông nghiệp.

Ngày 08-12-1979, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Thông báo số 86-TB/TU về thành lập xí nghiệp Liên hiệp đá vôi - xi măng Kiện Khê trên cơ sở hợp nhất Công ty đá vôi Kiện Khê, xi măng Ba Sao và xi măng Đồng Ao. Đây là một cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng lớn của tỉnh.

Các ngành xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, bưu điện đều đạt thấp so với kế hoạch. Công tác sửa chữa phương tiện, bốc xếp hàng hoá, quản lý, điều vận, mạng lưới điện thoại vẫn là khâu yếu của các ngành. Một số tuyến đường, cầu bị hư hỏng, xuống cấp nhưng chậm được tu bổ, sửa chữa.

Công tác xuất khẩu và lưu thông phân phối, tài chính, ngân hàng có nhiều cố gắng. Tổng giá trị hàng xuất khẩu đạt 55,3 triệu đồng, vượt kế hoạch 0,6% và tăng 4% so với năm 1978. Các mặt hàng tơ tằm, chiếu cói, rượu, thêu ren, sơn mỹ nghệ đều đạt và vượt mức kế hoạch. Thu mua hàng địa phương đạt 224,8 triệu đồng, bằng 90% kế hoạch và

tăng 5% so với 1978. Thu mua lương thực cả năm đạt trên 90.000 tấn, vượt kế hoạch 9,3%; mua các hàng nông sản khác đạt 57,6 triệu đồng, tăng 5% so với năm 1978. Thu mua lợn hơi đạt 11.220 tấn. Việc “cấm chợ ngăn sông” đã được xoá bỏ, tác động tốt đến lưu thông hàng hoá, nhưng cũng làm cho số người buôn bán trái phép tăng lên tới gần 5.000 người. Thu, chi ngân sách địa phương đạt 98,4% kế hoạch, giảm 21% so với năm 1978. Thu, chi tiền mặt còn mất cân đối, đến cuối năm bội chi tiền mặt tới 39 triệu đồng; số dư tiết kiệm đạt thấp; tiền lưu thông bằng 2 lần lúc thu đổi tiền năm 1978. Năm 1980, xã Châu Giang, huyện Duy Tiên có phong trào gửi tiền tiết kiệm khá nhất tỉnh, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Trong 3 năm (1977-1979), so với 3 năm (1974-1976), nông nghiệp phát triển tập trung theo hướng thâm canh, chuyên canh, tăng vụ, mở rộng diện tích canh tác tăng 1.000 ha, diện tích gieo trồng tăng 11.312 ha (6,6%). sản lượng hoa màu quy thóc tăng 37,8%, vụ đông từng bước trở thành vụ sản xuất chính ở nhiều hợp tác xã. Bình quân lương thực tăng 4%/năm. Thông qua việc thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp đã xuất hiện những điển hình tiên tiến về thâm canh giỏi, quản lý tốt như hợp tác xã Mỹ Thọ và Mỹ Thắng, huyện Bình Lục; phát triển mạnh vụ đông như hợp tác xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được tổ chức lại theo hướng tập trung, chuyên môn hoá. Tổng giá trị sản phẩm công nghiệp địa phương tăng

được thắng lợi quan trọng; phong trào xuất hiện nhiều nhân tố mới và điển hình tiên tiến tiêu biểu cho xu thế đi lên"⁽¹⁾.

Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu hai năm (1980-1981) theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) về 3 nhiệm vụ cấp bách trước mắt là: Đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân; tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, tiếp tục xây dựng những cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt và chuẩn bị điều kiện phát triển cho những năm sau.

Về nhiệm vụ chung của tỉnh, Đại hội nêu rõ: "*Phát huy truyền thống đoàn kết chiến đấu, tinh thần tự lực, tự cường, thực hiện chuyên chính vô sản, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, gắn chặt kinh tế với quốc phòng, tập trung sức đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu bảo đảm ổn định đời sống nhân dân; tăng cường công tác quân sự địa phương, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng...; đấu tranh kiên quyết chống các mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội,*

(1). Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh tại Đại hội Đại biểu lần thứ II của Đảng bộ tỉnh (11-1979).

nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy hiệu lực của chính quyền và chức năng của các đoàn thể, trọng tâm là củng cố cơ sở và kiện toàn cấp huyện, có chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức quản lý kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực và hiệu lực tổ chức chỉ đạo thực hiện của các cấp, các ngành, phấn đấu xây dựng Hà Nam Ninh thành tỉnh có nông nghiệp, công nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp phát triển, bảo đảm vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, có văn hoá, khoa học - kỹ thuật tiến bộ và có Đảng bộ vững mạnh”.

Đại hội đề ra những nhiệm vụ cụ thể của từng ngành, từng lĩnh vực và những mục tiêu phấn đấu chủ yếu đến năm 1981. Các mục tiêu đó là: Sản xuất nông nghiệp đạt 1 triệu tấn lương thực, trong đó màu quy thóc chiếm 18%-20%; bình quân lương thực đầu người đạt 380 kg/năm, bình quân lương thực nhân khẩu nông nghiệp đạt 450kg-500kg/năm; chăn nuôi 85 vạn con lợn. Giá trị sản lượng công nghiệp địa phương đạt 370 triệu đồng, trong đó giá trị hàng tiêu dùng đạt 260 triệu đồng. Giá trị hàng xuất khẩu đạt 75 triệu đồng, khoảng 50% số hàng làm bằng nguyên liệu địa phương. Nghề cá phấn đấu đạt 16.000 tấn cá nước ngọt và đánh bắt 9.000 tấn cá, tôm nước mặn. Tổ chức phân bố và sử dụng tốt lực lượng lao động xã hội, đưa 4 vạn dân đi xây dựng vùng kinh tế mới; giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,85%. Phấn đấu giao nộp nghĩa vụ cho Nhà nước đạt và vượt 13 vạn tấn lương thực, 14 nghìn tấn thịt lợn hơi.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 45 Ủy viên. Ban Chấp hành họp phiên thứ nhất bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ và bầu đồng chí Tạ Hồng Thanh làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta vẫn đứng trước những khó khăn, thách thức lớn. Sản xuất trì trệ, mất cân đối, hàng hoá khan hiếm, giá cả mỗi năm một tăng, bức xúc nhất là vấn đề thiếu lương thực trầm trọng. Nhằm tháo gỡ khó khăn, Đảng ta đã tìm tòi, nghiên cứu cơ chế quản lý nông nghiệp tại một số địa phương, thực hiện khoán thí điểm cây lúa. Ngày 21-10-1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 22-TB/TW, ghi nhận những ưu điểm của khoán sản phẩm và cho phép các địa phương làm thử hình thức khoán sản phẩm đối với cây lúa. Đây là bước đầu quá trình tìm tòi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp của Đảng. Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II Đảng bộ tỉnh, Tỉnh uỷ và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra nhiều văn bản chỉ đạo.

Trên lĩnh vực nông nghiệp: ngày 04-3-1980, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Thông báo số 38-TB/TU *Về thực hiện chế độ khoán cho xã viên đảm nhiệm chăm sóc cây trồng trong các hợp tác xã nông nghiệp.* Ngày 21-5-1980, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp, thảo luận và ra Nghị quyết *Về quản lý nông nghiệp*, bao gồm về chế độ khoán, phân phối và tổ chức lại quy mô hợp tác xã. Tiếp đến, ngày 31-10-1980, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 12-NQ/TU *Về quán triệt và tổ chức thực hiện Thông báo số 22-TB/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng.*



Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ II, năm 1979

Trên lĩnh vực công nghiệp: ngày 24-4-1980, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 04-NQ/TU *Về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương*, xác định phương hướng, nhiệm vụ đến năm 1985. Ngày 08-7-1980, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 23-CT/UB *Về tăng cường chỉ đạo cải tiến quản lý, thực hiện Điều lệ Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh*, thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Điều lệ Xí nghiệp.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cán bộ và nhân dân Hà Nam Ninh nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đời sống nhân dân. Năm 1980, sản xuất nông nghiệp lại gặp khó khăn về thời tiết và sâu bệnh phá hoại, riêng đợt lũ lụt tháng 8 và 9-1980 làm mất trắng 42 nghìn ha lúa. Sản xuất công nghiệp do nguồn vốn, vật tư, nguyên, nhiên liệu Nhà nước cấp không đủ và chậm, nên mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng kết quả đạt được so với kế hoạch và với năm 1979 đều thấp. Diện tích gieo trồng còn được thu hoạch cả năm chỉ có 334.700 ha, giảm 38.600 ha so với năm 1979; trong đó diện tích màu lương thực đạt 51.230 ha, tăng 8.132 ha (18,4%) so với năm 1979. Một số chỉ tiêu cụ thể khác đạt thấp và không đạt so với kế hoạch Đảng bộ đề ra, như sản lượng lương thực chỉ đạt 78% kế hoạch và 83% so với năm 1979; giá trị tổng sản lượng công nghiệp đạt 86,6% kế hoạch và 83% so với năm 1979.

Trong tình hình sản xuất chung của tỉnh, một số hợp tác xã nông nghiệp như Nguyễn Úy, Thụy Lôi, Ngọc Sơn, Nhật Tân, Nhật Tựu, Khả Phong, Châu Sơn và Liêm Tiết,

Liên Thuận, huyện Kim Thanh; Mỹ Thọ, Mỹ Thắng và An Đổ, huyện Bình Lục, năng suất lúa vẫn đạt cao. Huyện Lý Nhân, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 32.051 tấn (tăng 907 tấn so với năm 1979). Trong 5 năm (1975-1980) so với 5 năm (1971-1975), tổng sản lượng lương thực bình quân của huyện Bình Lục tăng 16,6%, trong đó tỷ lệ màu từ 4,9% lên 12,5%; huyện Duy Tiên tăng 4,8% về diện tích gieo trồng, 1,8% về năng suất lúa và 10% về tổng giá trị sản lượng nông nghiệp.

Sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có nhiều cố gắng: Huyện Lý Nhân, giá trị sản lượng công nghiệp đạt 15 triệu đồng, tăng gần 5 triệu so với năm 1976; huyện Duy Tiên, bình quân 5 năm (1976-1980) tăng 15% so với kế hoạch và tăng 84,4% so với 5 năm (1971-1975); huyện Bình Lục tăng 20,8% so với năm 1975. Huyện Kim Thanh, năm 1979 đạt 118% kế hoạch năm, xuất hiện những nhân tố mới như nhuộm Hồng Thái, dệt Tiến Hưng, chế biến thực phẩm Mỹ Thọ, hợp tác xã cơ khí Quyết Tiến...

Cùng với lãnh đạo phát triển kinh tế, công tác xây dựng huyện và phân cấp quản lý cho huyện đã cơ bản hoàn thành. Tỉnh đã giao cho các huyện 427 cơ sở kinh tế, sự nghiệp mà trước đây tỉnh quản lý. Đi đôi với phân cấp, tiến hành tổ chức lại các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện theo hướng “trên tổng hợp, dưới chuyên sâu” và chuyển sang hạch toán kinh doanh. Bộ máy quản lý cấp huyện đã được thực hiện theo tinh thần Nghị định 139/CP của Hội đồng Chính phủ. Các huyện Duy Tiên, Lý Nhân biên chế thấp hơn kế hoạch, Kim Thanh biên chế

tăng hơn kế hoạch tỉnh giao. Việc phân cấp và tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện cho phép khai thác khả năng địa phương phát triển sản xuất và một số đơn vị quốc doanh do huyện quản lý đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với lúc ngành, tỉnh quản lý. Việc phân cấp ngân sách, chuyển cấp huyện từ đơn vị dự toán thành đơn vị có ngân sách, tự đẩy mạnh sản xuất kinh doanh để có thêm nguồn thu và tiết kiệm chi, góp phần làm cho nhiều huyện có kết dư ngân sách.

Quan hệ sản xuất mới tiếp tục được củng cố và phát huy tác dụng. Cơ sở vật chất và kỹ thuật trong tỉnh được tăng cường thêm một bước. Bên cạnh việc củng cố phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, các hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã mua bán đã phát huy tác dụng góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển và ổn định đời sống nông dân. Trong 3 năm (1977-1979), toàn tỉnh xây dựng thêm 57 trạm bơm điện với 402 máy; mở rộng và làm thêm các công trình đầu mối, công trình trong đồng, xây dựng đồng ruộng, đảm bảo tưới tiêu thêm 2 vạn ha canh tác. Xây dựng thêm 250 km đường điện cao thế 10 KV. Xây dựng và mở rộng một số xí nghiệp sản xuất gạch, ngói, xi măng, cơ sở chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu... Từ năm 1977 đến 1980, toàn tỉnh điều chuyển hơn 16 vạn lao động phục vụ cho các nhu cầu chung của Nhà nước. Đặc biệt đã đưa 23.053 người đi xây dựng các vùng kinh tế mới, từ địa bàn trong tỉnh đến tỉnh Hoàng Liên Sơn, Minh Hải và các tỉnh Tây Nguyên, vừa lao động sản xuất, vừa làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trong 5 năm (1976-1980),

chỉ riêng huyện Duy Tiên đã có 25.998 người đi xây dựng kinh tế và bảo vệ Tổ quốc. Huyện Lý Nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua đơn vị khá nhất tỉnh về công tác vận động nhân dân đi xây dựng kinh tế mới. Năm 1979, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về giúp đỡ nước bạn Campuchia, ngoài việc cung cấp một số cán bộ chuyên gia theo điều động của Trung ương giúp bạn tại Thủ đô Phnôm Pênh, cuối tháng 6-1979, Tỉnh uỷ cử đoàn cán bộ lãnh đạo và chuyên viên của nhiều ngành gồm 29 đồng chí, do đồng chí Trần Văn Soạn, Phó Bí thư Tỉnh uỷ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn sang trực tiếp giúp đỡ tỉnh Takeo của Campuchia.

Trong những năm (1976-1980), mặc dù kinh tế phát triển chậm và không ổn định, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, nhưng sự nghiệp văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế vẫn được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân chăm lo. Các hoạt động văn hoá, thông tin, văn học nghệ thuật, phát thanh, báo chí được mở rộng và tiếp tục phát triển, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị. Thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 23-5-1976 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ⁽¹⁾, nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia phong trào bài trừ tệ nạn xã hội, đấu tranh xoá bỏ những tàn tích văn hoá phản động, đồi trụy, lạc hậu. Phong trào xây dựng nền văn hoá mới, gia đình văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa được phát động và mang lại hiệu quả thiết thực. Đám cưới, đám tang được tổ chức theo nếp sống mới. Các hoạt động

(1). Về thu hồi các loại văn hoá phẩm phản động, xấu, lạc hậu.

mê tín dị đoan, đồng bóng, bói toán đã giảm. Đến năm 1978, toàn tỉnh có 207.857 hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá mới, trong đó 52% số hộ đăng ký đã được công nhận đạt tiêu chuẩn. Phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng ngày càng phát triển, hướng về cơ sở, *xây dựng một nền nghệ thuật dân tộc xã hội chủ nghĩa phong phú đậm đà sắc thái địa phương*⁽¹⁾. Năm 1980, huyện Kim Thanh có 33 đội văn nghệ quần chúng không chuyên, phong trào văn nghệ quần chúng diễn ra sôi nổi ở Xí nghiệp cơ khí Hà Nam, Trường mẫu giáo Trung ương, Công ty thương nghiệp... Hoạt động văn công, chiếu phim, thông tin lưu động, triển lãm nhỏ thường xuyên được tổ chức. Công tác bảo tồn, bảo tàng, thư viện, câu lạc bộ và mạng lưới truyền thanh được mở rộng. Trong 2 năm (1975 - 1976), riêng thị xã Hà Nam đã xây dựng và đưa vào sử dụng Khu triển lãm, Nhà hát nhân dân, Hiệu sách nhân dân và Câu lạc bộ các khu phố. Đến cuối năm 1979, toàn tỉnh có 311 xã có đài truyền thanh và 6 huyện có đài phát sóng cực ngắn. Báo Hà Nam Ninh có nhiều cố gắng bám sát nhiệm vụ sản xuất, đời sống, quốc phòng, an ninh. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin, báo, đài... góp phần tuyên truyền, cổ động, giáo dục cán bộ và nhân dân về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, về chủ trương công tác của Đảng bộ đẩy mạnh khí thế lao động sản xuất và công tác.

Thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TU, ngày 30-4-1976 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *Về công tác thể dục thể thao trong*

(1). Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 22-12-1977 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *Về công tác văn hoá, văn nghệ.*

tình hình mới, phong trào thể dục thể thao được phát triển mạnh trong trường học, lực lượng vũ trang và ở nhiều cơ quan xí nghiệp. Một số môn thể thao truyền thống như bơi lội, bóng chuyền, vật, bóng đá... vẫn được duy trì.

Công tác giáo dục - đào tạo được giữ vững và tăng cường cả về số lượng, chất lượng. Phong trào thi đua “hai tốt” (dạy tốt, học tốt) theo điển hình tiên tiến Bắc Lý tiếp tục được duy trì. Cơ sở vật chất trường học, sách giáo khoa được bổ sung đảm bảo việc dạy và học. Thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 04-10-1977 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *Về công tác giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông*, đến năm 1979 toàn tỉnh có 58% số cháu trong độ tuổi vào nhà trẻ và 64% số cháu đến lớp mẫu giáo, việc nuôi và dạy trẻ ở nhiều nơi có tiến bộ. Giáo dục phổ thông phát triển nhanh và tương đối đồng đều. Năm học 1979-1980 toàn tỉnh có 554 trường phổ thông cơ sở và 47 trường phổ thông cấp III với gần 718.000 học sinh, ngoài ra còn có 4 trường cấp III và hệ đại học “vừa học, vừa làm”, thực hiện thí điểm hướng đào tạo mới.

Quán triệt Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 11-01-1979 của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, ngày 20-4-1980 Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh ra Nghị quyết số 03-NQ/TU *Về cải cách giáo dục*, xác định phương hướng chung và mục tiêu phấn đấu của tỉnh trong 5 năm (1980-1985) với 4 nội dung là: Phát triển sự nghiệp giáo dục (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề); coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; xây dựng cơ sở vật

chất. Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 03 của Tỉnh uỷ được quán triệt và triển khai sâu rộng trong toàn tỉnh. Kết thúc năm học 1979-1980, tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông các cấp đạt trên 85%. Năm học 1980-1981, toàn tỉnh có hơn 805 nghìn học sinh phổ thông. Trên địa bàn Hà Nam xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến về chất lượng giáo dục như các trường cấp II: Hoà Hậu, Nguyên Lý, Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân; trường cấp I - II: Liêm Túc, Kim Bình, mẫu giáo xã Nguyễn Úy, bổ túc văn hoá xã Phù Vân, Thanh Hải, Thanh Thủy, huyện Kim Thanh. Nhiều nhà trẻ được công nhận tiên tiến như Hưng Công, Cát Tường, Tiêu Viên, Mỹ Thuận, Mỹ Hưng, huyện Bình Lục. Xã Đông Du, huyện Bình Lục, lá cờ đầu của tỉnh về phổ cập giáo dục đúng độ tuổi, năm 1976 được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba về phổ cập giáo dục cấp I. Nhiều xã đã xây dựng được trường học cao tầng như Văn Xá, huyện Kim Thanh; Mỹ Hà, Mỹ Thắng và Trung Lương, huyện Bình Lục...

Thực hiện Thông tri số 08-TT/TU, ngày 25-4-1977 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *Về đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hoá và thanh toán nạn mù chữ*, đầu năm 1979, trừ huyện Lý Nhân, còn các huyện khác đều được công nhận phổ cập cấp I bổ túc văn hoá. Những hình thức học tập phù hợp với yêu cầu mới như bổ túc văn hoá cấp III ở cụm kinh tế- kỹ thuật; vừa học, vừa làm, thu hút đông đảo các đối tượng đi học. Hệ thống trường, lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân kỹ thuật của địa phương được mở rộng. Lực lượng lao động có kỹ thuật

phát triển tương đối đồng bộ, đến cuối năm 1979 đạt 12% trong tổng số lao động xã hội của tỉnh.

Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo vệ bà mẹ, trẻ em được chú trọng. Ngày 05-7-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 21-CT/TU *Về lãnh đạo công tác y tế*, xác định nhiệm vụ cụ thể của công tác y tế và mục tiêu phấn đấu của hai năm 1976-1977. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, mở rộng, công tác quản lý được chú ý cải tiến. Riêng hai năm 1978 - 1979, toàn tỉnh tăng thêm 16 phòng khám bệnh (trong đó có 6 phòng khám bệnh khu vực) và 390 giường điều trị; bình quân 1 vạn dân có 16 giường điều trị và 5 y, bác sĩ. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh, kịp thời phục vụ nhân dân ở những vùng bị lũ lụt, bao vây dập tắt các bệnh dịch tả, sốt xuất huyết và dịch hạch. Cuộc vận động xây dựng 3 công trình vệ sinh (nhà tắm, giếng nước sạch, hố tiêu hợp vệ sinh) được triển khai rộng khắp và có kết quả. Đến đầu tháng 7- 1978, trên địa bàn huyện Bình Lục có 10 xã, huyện Kim Thanh 10 xã và huyện Duy Tiên 15 xã đã cơ bản hoàn thành xây dựng 3 công trình vệ sinh; một số huyện có phong trào mạnh về xây dựng hố xí hợp vệ sinh như Kim Thanh (7.000 cái), Lý Nhân (1.070 cái).

Phong trào trồng, chế biến và sử dụng thuốc nam phát triển sâu rộng ở nhiều nơi, điển hình là xã Đại Cương, huyện Kim Thanh; xã Tân Lý, huyện Lý Nhân; năm 1977 trạm y tế Tân Lý được Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng tặng lẵng hoa và được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Học tập Tân Lý, Đại Cương, về trồng và sử dụng cây thuốc nam, nhiều huyện trong tỉnh đã đạt kết quả tốt. Đến năm 1979, toàn tỉnh có 8 huyện được Bộ Y tế công nhận đạt tiêu chuẩn về sản xuất thuốc nam và châm cứu. Huyện Duy Tiên được Bộ Y tế công nhận “5 dứt điểm”⁽¹⁾ vào loại sớm trong cả nước. Năm 1979, huyện Kim Thanh được công nhận dứt điểm trồng, chế biến thuốc nam và dứt điểm về sinh đẻ có kế hoạch. Huyện Bình Lục được công nhận dứt điểm về quản lý sức khoẻ cho toàn dân, năm 1980, ngành y tế Bình Lục được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em và sinh đẻ kế hoạch có chuyển biến tích cực. Thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TU, ngày 20-3-1976 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *Về tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em*, số nhà trẻ và các cháu đến nhà trẻ ngày càng tăng, năm 1979 vượt 9,8% kế hoạch. Việc tiêm chủng các loại vắc xin phòng chống bệnh cho trẻ em đạt tỷ lệ cao, trong đó phòng bại liệt đạt 95%; phòng tả, thương hàn đạt 85%, phòng ho gà đạt 90% và phòng bệnh sởi đạt 90%. Đến năm 1979, toàn tỉnh có 179.854 chị trong độ tuổi sinh đẻ đã đạt vòng tránh thai (bằng 6,5% số dân); huyện Bình Lục và Duy Tiên đạt chỉ tiêu tăng dân số tự nhiên dưới 1,5%.

(1) . “5 dứt điểm” do Bộ Y tế phát động:
Dứt điểm ba công trình vệ sinh (giếng nước sạch, nhà tắm, hố tiêu hợp vệ sinh);
Dứt điểm về sinh đẻ có kế hoạch;
Dứt điểm về trồng và sử dụng thuốc nam;
Dứt điểm về quản lý sức khoẻ nhân dân;
Dứt điểm về kiện toàn bộ máy y tế cơ sở.

II. CÙNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH, GÓP PHẦN BẢO VỆ TỔ QUỐC

Những năm (1976- 1980), tình hình thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, kẻ thù tìm mọi cách phá hoại về nhiều mặt. Tại biên giới Tây Nam nước ta, từ ngày 03-5-1975 đến cuối năm 1978, tập đoàn phản động Pôn Pốt Iêngxary ở Campuchia tiến hành cuộc chiến tranh xâm chiếm biên giới đất liền và hải đảo, gây ra những tổn thất to lớn về người và của, phá vỡ quan hệ láng giềng hữu nghị thân thiện giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Campuchia. Tại biên giới phía Bắc, ngày 17-02-1979, chiến tranh xảy ra trên toàn tuyến từ Lai Châu đến Quảng Ninh.

Lợi dụng tình hình phức tạp ở biên giới Tây Nam và phía Bắc đất nước, cùng với những khó khăn về kinh tế - xã hội của cả nước và những sơ hở, yếu kém trong công tác quản lý, các loại tội phạm, nhất là tội phạm kinh tế, tội phạm hình sự gia tăng hoạt động gây mất trật tự an ninh xã hội. Trong tình hình chung của cả nước, đến cuối năm 1979, tỉnh Hà Nam Ninh đã có 99 hộ gồm 415 khẩu người Hoa rời bỏ nơi cư trú ra nước ngoài. Tai nạn, tệ nạn xã hội gia tăng, chỉ riêng năm 1979 xảy ra 467 vụ, tăng 6% số vụ so với năm 1978, làm chết 336 người, bị thương 195 người. Các vụ trọng án tăng hơn năm 1978, đáng chú ý là các vụ cướp của giết người, gây án mạng, cướp giật đều tăng. Tệ tham ô móc ngoặc, trộm cắp tài sản Nhà nước, tài sản riêng của dân, cờ bạc, gây rối xảy ra ở nhiều nơi. Năm 1979, phát hiện 369 vụ xâm phạm tài sản Nhà nước (trong đó có 95 vụ tham ô), tăng 171 vụ so với năm 1978.

Trước tình hình diễn biến phức tạp, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các cấp uỷ và toàn Đảng bộ luôn coi trọng công tác quốc phòng - an ninh. Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết 157-NQ/TW của Bộ Chính trị về tình hình nhiệm vụ quân sự trong giai đoạn cách mạng mới, ngày 07-6-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 06-NQ/TU *Về nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và củng cố nền quốc phòng toàn dân*. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xác định phương hướng, nhiệm vụ công tác quân sự địa phương của tỉnh trong giai đoạn mới và tăng cường sự lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của Đảng bộ các cấp đối với công tác quân sự địa phương. Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nêu rõ: Trong thời gian tới, phải coi trọng và làm tốt những việc: Giáo dục ý thức quốc phòng toàn dân và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; xây dựng quyết tâm, sẵn sàng chiến đấu, giữ vững an ninh; động viên toàn dân thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng thường trực mạnh, lực lượng hậu bị hùng hậu, làm nòng cốt củng cố quốc phòng toàn dân; quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm chiến đấu, chăm lo đời sống cho bộ đội; chấp hành chế độ chính sách đối với xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng.

Ngày 18-8-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 24-CT/TU *Về thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 1976*. Tiếp đó, ngày 25-9-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 25-CT/TU *Về củng cố tổ chức dân quân, tự vệ, yêu*

câu các cấp uỷ địa phương, các ngành làm tốt việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, đảm bảo vừa phù hợp với nhiệm vụ tác chiến, vừa đẩy mạnh sản xuất.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, công tác giáo dục phổ cập ý thức quốc phòng trong toàn dân, nhất là trong thanh niên được duy trì; tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn trật tự an ninh tiếp tục được đề cao; công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, quản lý quân dự bị di dân vào nền nếp. Bộ đội địa phương được điều chỉnh, sắp xếp hợp lý, vừa làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, vừa có lực lượng chuyên sản xuất, đảm nhiệm xây dựng một số công trình kinh tế ở địa phương. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động sâu rộng. Thông qua việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 228-NQ/TW, ngày 12-01-1974 của Bộ Chính trị⁽¹⁾, tình trạng buông lỏng quản lý, vi phạm tài sản xã hội chủ nghĩa từng bước được khắc phục.

Ngày 21-02-1978, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 38-CT/TW *Về tăng cường lãnh đạo công tác quân sự địa phương trong giai đoạn mới*. Thực hiện Chỉ thị này, ngày 21-4-1978 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 14-NQ/TU *Về xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng địa phương*. Sau khi đánh giá việc xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng

(1). *Về cuộc đấu tranh chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an...*

địa phương trong 2 năm (1976-1977), căn cứ từ tình hình thực tế của địa phương và để thực hiện tốt nhiệm vụ củng cố, xây dựng nền quốc phòng trong tỉnh vững mạnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khẳng định: Xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng là một nội dung trọng yếu trong nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, của các cấp, các ngành trong tỉnh. Cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng bộ về mọi mặt, đảm bảo cho lực lượng vũ trang và nền quốc phòng địa phương phát triển mạnh mẽ, đúng hướng, hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước. Đảng bộ cần thực hiện tốt: Kết hợp xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá với củng cố, tích lũy tiềm lực, xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh về mọi mặt làm nòng cốt cho chiến tranh nhân dân ở địa phương. Ra sức xây dựng các huyện thành đơn vị quốc phòng mạnh, thành pháo đài chiến đấu, có cơ sở chiến tranh nhân dân vững chắc. Nâng cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu, tổ chức hiệp đồng lực lượng, cùng với công an nhân dân giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời bọn phản cách mạng, gây rối, bảo vệ đời sống hoà bình xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tài sản Nhà nước và tập thể.

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng được đẩy mạnh trong toàn tỉnh. Lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố, sắp xếp lại. Năm 1978, trên địa bàn Hà Nam, lực lượng dân quân, tự vệ các huyện chiếm trên 10%, trong đó huyện Lý Nhân chiếm tỷ lệ 13,9% dân số toàn huyện. Dân quân, tự vệ được biên chế thành các tiểu

đoàn, đại đội. Một số xã của huyện Kim Thanh như Phù Vân có đại đội cao xạ 37 ly và 14,5 ly; xã Liên Sơn, Ba Sao có 2 trung đội 12,7 ly. Tự vệ nhà máy cơ khí Hà Nam được xây dựng thành lá cờ đầu của tự vệ khối công nghiệp toàn tỉnh. Công tác huấn luyện được triển khai thực hiện nghiêm túc ở cả các đơn vị thường trực, dân quân, tự vệ và ở trong các trường học. Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất của tỉnh, Ban chỉ huy quân sự thống nhất các cấp, Ban hậu cần nhân dân và Ban phòng không sơ tán từ tỉnh đến cơ sở được thành lập. Các phương án tác chiến, kế hoạch phòng chống bạo loạn và phương án phát triển lực lượng vũ trang địa phương được xây dựng; tăng cường huấn luyện và tổ chức diễn tập theo phương án. Các ngành, địa phương và cơ sở đều xây dựng phương án vừa sản xuất, vừa chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, kế hoạch phòng không sơ tán, kế hoạch bảo đảm hậu cần, trinh sát, thông tin liên lạc; tổ chức tuần tra canh gác, bảo vệ trật tự trị an, bảo vệ an toàn cơ quan, xí nghiệp, công trình kinh tế. Một số công sự, trận địa chiến đấu và phòng tránh ở vùng trọng điểm được xây dựng, hầm hào cũ được tu sửa. Bước đầu xây dựng làng xã chiến đấu, xác định cụm chiến đấu liên hoàn, tổ chức lực lượng chiến đấu và lập Ban chỉ huy cụm.

Năm 1979, nhất là từ sau ngày 17-02-1979 chiến sự nổ ra ở biên giới phía Bắc Tổ quốc, công tác quốc phòng - an ninh của tỉnh được đẩy mạnh. Quán triệt Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 03-3-1979 của Bộ Chính trị *Về cuộc kháng chiến chống các thế lực thù địch* và các Chỉ thị số 67-CT/TW, ngày 01-3-1979, số 69-CT/TW, ngày 06-3-1979

của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về phát động và tổ chức toàn dân chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc*, ngày 30-3-1979, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp đánh giá và nhận định tình hình, xác định những chủ trương, công tác lớn và những biện pháp tổ chức động viên Đảng bộ, nhân dân trong tỉnh sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hội nghị ra Nghị quyết số 21-NQ/TU về những chủ trương, công tác lớn bao gồm cả kinh tế, chính trị và quân sự. Về công tác quân sự, nhiệm vụ trước mắt cần tập trung thực hiện là bổ sung hoàn chỉnh phương án tác chiến; gấp rút huy động mọi khả năng, xây dựng các tuyến phòng thủ vững chắc, chuẩn bị tốt yêu cầu chiến đấu; chấn chỉnh tổ chức lực lượng bảo đảm hậu cần, bảo đảm kỹ thuật.

Hội nghị kêu gọi toàn Đảng bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh tích cực hưởng ứng, chấp hành nghiêm chỉnh Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống vẻ vang của địa phương, nâng cao tinh thần làm chủ tập thể và ý thức tự lực, tự cường trong sản xuất, xây dựng kinh tế, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ vững chắc địa phương, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chấp hành Lệnh tổng động viên số 29-LCT của Chủ tịch nước, chỉ trong 14 ngày (từ 17-02 đến 02-3-1979) toàn tỉnh đã bổ sung 1.200 quân cho tỉnh Lạng Sơn và 3 tiểu đoàn bộ đội, 200 công an nhân dân cho tỉnh Hoàng

Liên Sơn. Tính đến 01-4-1979, tỉnh Hà Nam Ninh chi viện cho các tỉnh biên giới 16 tiểu đoàn, trong đó có 7 tiểu đoàn tân binh và 9 tiểu đoàn cán bộ, chiến sĩ dự bị.

Ngày 20-3-1979, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 144-QĐ/UB Về huy động lao động phục vụ chiến đấu. Tiếp đó, ngày 24-3-1979, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 165-QĐ/UB Về thành lập Ban chỉ đạo huy động lực lượng lao động phục vụ quốc phòng trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm 12 đồng chí, do đồng chí Phan Đình Tụng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự phối hợp công tác chặt chẽ giữa Ban Chỉ đạo huy động lực lượng lao động với Ty Lao động và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, chỉ trong thời gian ngắn, toàn tỉnh đã huy động tổ chức đưa 5 trung đoàn tự vệ gồm 1 vạn người đi xây dựng các công trình quân sự ở Lạng Sơn và các huyện ven biển của tỉnh⁽¹⁾.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 30-3-1979 của Tỉnh uỷ, ngày 03-5-1979, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp ra Nghị quyết số 25-NQ/TU Về một số vấn đề gắn tổ chức lực lượng chiến đấu với tổ chức sản xuất. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xác định nhiệm vụ tập trung sức đẩy mạnh sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, ổn

(1). Lực lượng chủ yếu là học sinh các trường chuyên nghiệp của tỉnh và Trung ương đóng tại địa phương và công nhân của một số công ty xây dựng dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thương nghiệp..., thời gian lao động 1 tháng.

định đời sống nhân dân phải đồng thời với tăng cường lực lượng quốc phòng, thường xuyên nâng cao sức chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của địa phương, bảo đảm khi chiến sự xảy ra phải tổ chức, chỉ đạo chiến tranh nhân dân địa phương chiến thắng ngay từ trận đầu, tuyến đầu, bảo vệ vững chắc địa phương, đáp ứng yêu cầu chi viện... Phải gắn chặt việc xây dựng tổ chức dân quân, tự vệ với tổ chức sản xuất đảm bảo giữ vững đội hình khi có địch đến là chiến đấu và phục vụ chiến đấu được ngay, trong chiến đấu và sau chiến đấu tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và công tác; chủ động có kế hoạch sơ tán, phòng không, bảo vệ người và tài sản.

Quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy, đến cuối năm 1979 toàn tỉnh có trên 39 vạn dân quân, tự vệ, chiếm 15,9% dân số cả tỉnh. Lực lượng dân quân, tự vệ được biên chế thành 3 trung đoàn, 152 tiểu đoàn, 2.069 đại đội, 5.988 trung đội, 1 hải đoàn và 8 hải đội. Tỉnh còn thành lập 1 sư đoàn quân dự nhiệm. Công tác huấn luyện, bồi dưỡng lực lượng sẵn sàng chiến đấu được chú ý thường xuyên; 70% lực lượng dự bị động viên đã được huấn luyện. Bên cạnh việc tổ chức xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên và lực lượng lao động xây dựng công trình quốc phòng, việc lập tổ chức Đảng ở các lực lượng này đã được chú trọng nhằm đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất, toàn diện và tuyệt đối của Đảng.

Ngày 24-3-1979, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết định số 723-QĐ/TU thành lập 3 Đảng bộ cơ sở ở 3 trung đoàn xung kích phục vụ quốc phòng tại biên giới (gồm

Đảng bộ Trung đoàn 1, Đảng bộ Trung đoàn 2, Đảng bộ Trung đoàn 3) trực thuộc Ban cán sự Đảng Ban chỉ đạo huy động lực lượng lao động phục vụ quốc phòng của tỉnh.

Ngày 24-4-1979, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Quyết định số 620-QĐ/TU thành lập Đảng bộ Sư đoàn quân dự nhiệm và chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ sư đoàn gồm 11 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Trung Kiểu, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ làm Chính uỷ kiêm Bí thư. Sau đó, các Đảng bộ sư đoàn bộ, trung đoàn, tiểu đoàn và chi bộ quân dự nhiệm đều được thành lập theo hướng dẫn và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Đi đôi với tăng cường xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang địa phương, công tác tuyển quân được các cấp uỷ Đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TU, ngày 18-8-1976 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *Về lãnh đạo công tác tuyển quân*, các đợt tuyển quân đều hoàn thành vượt mức. Năm 1976, đợt tuyển đầu tiên trong hoà bình với số lượng lớn, toàn tỉnh đã hoàn thành nhanh gọn, bảo đảm số lượng và chất lượng. Năm 1978, tuyển quân đạt 103% chỉ tiêu được giao, gấp 2 lần năm 1977 và bằng 1,9% dân số trong tỉnh, là năm có số lượng giao quân lớn nhất kể từ năm 1978 trở về trước. Năm 1979, cả 3 đợt tuyển quân đều vượt kế hoạch (100,85%) chỉ tiêu trên giao. Nhiều cán bộ, hạ sĩ quan chuyển ngành và phục viên về địa phương còn đủ điều kiện đã được động viên trở lại quân đội. Trên địa bàn Hà Nam, huyện Bình Lục hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân từ 101% đến 109%, nhiều xã hoàn thành vượt chỉ tiêu giao quân như Mỹ Thọ,

Mỹ Thắng, Mỹ Trung, Mỹ Hưng, Mỹ Thành và Mỹ Tiến⁽¹⁾. Ở huyện Duy Tiên, 5 năm (1975-1980) đã tiễn đưa 6.674 thanh niên nhập ngũ. Huyện Kim Thanh, trong 3 năm (1979- 1981) động viên 1.810 thanh niên nhập ngũ, vượt chỉ tiêu 7%; chỉ riêng tháng 02-1979 toàn huyện thành lập được Trung đoàn dự bị động viên gồm 1.200 quân, tiễn đưa 5 đại đội quân dự nhiệm chi viện cho tỉnh Hoàng Liên Sơn; một số xã hoàn thành vượt chỉ tiêu tuyển quân như Thanh Tân (158%), Liêm Túc (151%) và Liêm Thuận (130%). Tại huyện Lý Nhân, hai năm 1978-1979 đã động viên 4.099 quân nhân phục viên, chuyển ngành trở lại quân đội, chiếm 1/6 tổng số cựu quân nhân của huyện. Việc giải quyết quân nhân đào ngũ, thanh niên trốn tránh nghĩa vụ quân sự được tiến hành nghiêm túc, có kết quả.

Chính sách hậu phương quân đội, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng tiếp tục được quan tâm chu đáo. Đồng thời, toàn tỉnh còn đón tiếp, giúp đỡ 3.900 hộ với 23.261 người từ các tỉnh biên giới về sơ tán, đảm bảo ổn định sinh hoạt và đời sống. Năm 1979, huyện Duy Tiên trở thành lá cờ đầu của tỉnh về làm tốt công tác thương binh - xã hội; tháng 3-1980, huyện được chọn làm đơn vị tổ chức Hội nghị tuyên truyền chính sách thương binh - xã hội toàn miền Bắc.

Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được triển khai toàn diện. Trước tình hình diễn biến

(1). Các xã: Mỹ Thắng, Mỹ Trung, Mỹ Hưng, Mỹ Thành và Mỹ Tiến nay thuộc tỉnh Nam Định.

phức tạp, ngày 07-01-1978 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 12-NQ/TU *Về công tác tôn giáo*, xác định phương hướng, nhiệm vụ chung, nhiệm vụ cụ thể và những chủ trương công tác đối với tôn giáo. Nghị quyết nêu rõ: Phải làm cho cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thông suốt và nhất trí về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo; về nhận định tình hình các tôn giáo và sự chuyển biến của giáo hội Thiên chúa giáo. Cấp uỷ phải trực tiếp lãnh đạo, các ngành có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện tốt công tác của mình ở nơi có đông bào công giáo.

Sau 1 tháng xảy ra chiến tranh biên giới phía Bắc, ngày 17-3-1979, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 20-NQ/TU *Về công tác bảo vệ an ninh chính trị và đảm bảo trật tự an toàn xã hội*. Nghị quyết nêu rõ những công tác lớn như: Phải nắm vững tình hình, chủ động tấn công và trấn áp địch trên toàn địa bàn, củng cố vững chắc các vùng xung yếu trọng điểm; đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cả 3 khu vực, đưa phong trào ngày càng đi vào chiều sâu và có nền nếp; tăng cường công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ các lực lượng vũ trang và chuẩn bị căn cứ địa khi chiến tranh xảy ra; tăng cường bảo vệ kinh tế, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới; tăng cường xây dựng lực lượng công an nhân dân và các lực lượng bảo vệ...

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, ngành công an và các địa phương, cơ quan, đơn vị đều triển khai nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự và tiếp tục đẩy mạnh thực

hiện Nghị quyết số 228-NQ/TW, ngày 12-01-1974 của Bộ Chính trị về cuộc đấu tranh chống tệ nạn trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an, phục vụ phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm, phục vụ đời sống nhân dân. Chỉ riêng huyện Kim Thanh, trong đợt thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị đã phát hiện và xử lý 78/108 vụ vi phạm. Kiểm tra ở 158 cơ quan và 34 hợp tác xã thủ công nghiệp, thu hồi 19.377 kg gạo do tham ô.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động và phát triển rộng khắp. Ngành công an của tỉnh được tăng cường cả về số lượng, chất lượng cán bộ chiến sĩ và cơ sở vật chất. Ba năm (1977-1979), toàn tỉnh xây dựng trên 2 vạn tổ an ninh nhân dân, hàng trăm tổ bảo vệ cơ quan, xí nghiệp; trong đó huyện Duy Tiên xây dựng được 1.735 tổ. Các tổ an ninh nhân dân và tổ bảo vệ được củng cố, hoạt động có hiệu quả, làm nòng cốt trong công tác giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương và ở từng cơ quan, đơn vị. Ty Công an tỉnh xây dựng kế hoạch và lập phương án, tổ chức triển khai thực hiện có kết quả việc tập trung cải tạo những phần tử nguy hại, làm trong sạch địa bàn; đấu tranh phòng chống bạo loạn, chống gián điệp, biệt kích, chống chiến tranh tâm lý; củng cố các huyện, vùng xung yếu, nơi trọng điểm... Lực lượng Công an phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng của tỉnh tập trung rà soát, phân loại hơn 1.400 người Hoa và phá được một tổ chức phản động gồm 68 tên hoạt động từ những năm 1960,

bắt 6 tên đầu sỏ; phát hiện, xử lý kịp thời âm mưu “thích nghi thời đại”, luôn lách, chủ trương giữ đạo tại nhà của bọn phản động đội lốt tôn giáo, xoá bỏ các “hội đoàn”, các tục lệ mới, châu lễ triển miên ảnh hưởng đến sản xuất, giữ vững an ninh chính trị. Đồng thời điều tra, khám phá hàng trăm vụ án hình sự về kinh tế và trật tự an toàn xã hội, thu hồi nhiều tài sản, vũ khí tàng trữ trái phép. Chỉ sau đợt đổi tiền (giữa năm 1978), kiểm tra hành chính 1.088 hộ đã thu hồi cho Nhà nước hàng vạn mét vải, hàng triệu đồng và hàng chục lượng vàng. Đặc biệt, ngành công an góp phần giải quyết tốt công tác vận động người Hoa; đấu tranh ngăn chặn đối tượng vượt biên trên biển, làm rõ một số âm mưu hoạt động của bọn phản động trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh những kết quả trên, lực lượng công an từ tỉnh đến cơ sở còn làm tốt công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ quan, làm thuần khiết nội bộ về chính trị, đạo đức và lối sống; bảo vệ tốt các mục tiêu, các đoàn khách và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước về thăm, làm việc tại địa phương; bảo vệ an toàn các ngày lễ kỷ niệm lớn, các kỳ đại hội Đảng các cấp, bầu cử Quốc hội khoá VI, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và đợt đổi tiền năm 1978. Với quyết tâm chỉ đạo của Đảng bộ và cố gắng nỗ lực của cán bộ, chiến sĩ công an, tỷ lệ điều tra phá án mỗi năm một tăng, năm 1978, tăng từ 60% đến 70% so với năm 1977, trong đó phá một số ổ nhóm lưu manh chuyên nghiệp hoạt động nhiều năm trên địa bàn nhiều tỉnh. Năm 1979, trên 80% số vụ trọng án đã được phá.

Công tác thanh tra, kiểm sát, toà án, pháp chế có nhiều cố gắng bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương góp

phân bảo vệ, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện, giải quyết có hiệu quả những vụ việc xảy ra, hạn chế tiêu cực, góp phần tăng cường ổn định trật tự trị an trên địa bàn toàn tỉnh.

Tuy nhiên, công tác quốc phòng - an ninh của tỉnh vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Đó là, việc nghiên cứu tổ chức xây dựng lực lượng, kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh ở địa bàn huyện và cụm kinh tế kỹ thuật còn lúng túng; công tác đấu tranh chống bọn tội phạm hình sự, làm ăn phi pháp, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa tiến hành chưa liên tục, phối hợp trong ngoài và các ngành liên quan chưa chặt. Phạm pháp hình sự, tham ô, trộm cắp tuy giảm nhưng chưa cơ bản, biểu hiện tiêu cực ngoài xã hội có chiều hướng gia tăng. Xét xử còn có những vụ chưa kịp thời, nhất là một số vụ án trọng điểm về hình sự và kinh tế. Việc giải quyết đơn, thư khiếu tố còn chậm.

Khắc phục những hạn chế trên, năm 1980, thực hiện Chỉ thị số 01-CT/LB, ngày 08-5-1980 của Liên bộ Quốc phòng - Nội vụ⁽¹⁾. Lực lượng quân sự và công an có sự phối hợp hiệp đồng chặt chẽ hơn trong công tác trị an, chống tiêu cực. Tình trạng va chạm giữa quân đội và công an tại địa phương về cơ bản đã được chấm dứt. Ty Công an và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh kịp thời phối hợp xây dựng kế hoạch tấn công bọn tội phạm chính trị và hình sự, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

(1). Trong phiên họp thứ nhất (từ ngày 03 đến 06-6-1975), Quốc hội khoá V quyết nghị hợp nhất Bộ Công an và Bộ Nội vụ lấy tên là Bộ Nội vụ.

Từ ngày 24-8 đến 15-10-1980 toàn tỉnh tổ chức 3 đợt gồm 23 trận lớn, nhỏ, tấn công truy quét bọn tội phạm ở các tụ điểm quan trọng. Trong các trận tấn công truy quét tội phạm đã phát huy được sức mạnh của toàn dân, trong đó lực lượng quân sự và công an làm nòng cốt. Bằng nhiều biện pháp nghiệp vụ như trinh sát, áp sát mục tiêu, bám sát đối tượng, bao vây, đón lõng, kiểm soát giao thông, kiểm tra hành chính, hộ khẩu, kiểm soát quân sự, nghi binh, đánh bất ngờ, đánh điểm kết hợp với điều tra xét hỏi để nhanh chóng truy lùng băng ổ nhóm tội phạm, nơi chứa chấp, tiêu thụ của gian, v.v. Đi đôi với hoạt động của lực lượng quân sự - công an, công tác tuyên truyền phát động khí thế quần chúng được đẩy mạnh. Bằng việc tuyên truyền lưu động, triển lãm nhỏ vạch trần luận điệu chiến tranh tâm lý, lên án bọn tội phạm, bọn làm ăn phi pháp, tổ chức sinh hoạt tổ nhân dân... đã phát động được quần chúng tố cáo bọn tội phạm, bọn làm ăn phi pháp. Kết quả trong 3 đợt tấn công truy quét bọn tội phạm, toàn tỉnh đã phát hiện, ngăn chặn hàng nghìn vụ việc về trật tự an ninh, bắt quả tang nhiều vụ lưu manh, trộm cắp; bắt một thuyền chở 55 người trốn ra nước ngoài và bắt 479 đối tượng hình sự⁽¹⁾. Qua khai thác đã khám phá 19 ổ nhóm lưu manh chuyên nghiệp⁽²⁾, 15 gia đình chuyên chứa chấp tiêu thụ

(1). Trong đó có 171 tên trộm cắp chuyên nghiệp, 8 giả danh bộ đội, 3 giả danh công an, 183 tên buôn lậu lớn, 13 gái bán dâm và 101 đối tượng phạm pháp hình sự khác.

(2). Trong số 19 ổ nhóm có một số ổ nhóm chuyên lấy cắp xe đạp, 1 ổ cắt dây chằng xe đạp, 1 ổ trộm đêm có vũ khí, 1 ổ trấn lột, 1 ổ phe vé tàu thống nhất, 1 ổ chuyên thịt trâu bò lậu.

của gian, 15 quán ăn thường xuyên phục vụ bọn lưu manh. Lực lượng an ninh đã thu hồi 7 súng ngắn, 124 viên đạn các loại và 26 dao găm; thu giữ một khối lượng lớn hàng hoá trị giá 314.175 đồng, trong đó có 117.000 đồng trị giá hàng hóa thu được trên đoàn tàu Thống nhất⁽¹⁾. Năm 1980, chỉ riêng huyện Lý Nhân, công an huyện gọi giáo dục 76 tên, gặp gỡ cảm hoá 52 tên; các xã gọi về giáo dục 105 tên, gặp gỡ cảm hoá 194 tên và lao động bắt buộc tại xã 70 tên phạm pháp hình sự. Nhờ những hoạt động tích cực trên, chỉ trong 3 tháng (8, 9, 10-1980), các vụ trộm cắp, cướp giật giảm 55%, mất cắp xe đạp giảm 57%, trộm cắp tài sản Nhà nước giảm 68%, trộm cắp tài sản riêng công dân giảm 25%...

Thắng lợi của 3 đợt tấn công truy quét bọn tội phạm góp phần củng cố lòng tin và cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân, bước đầu làm thất bại âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; đồng thời góp phần quan trọng vào việc ngăn chặn, hạn chế hoạt động của bọn tội phạm, bọn làm ăn phi pháp, đẩy lùi một bước biểu hiện tiêu cực trong hoạt động kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

III. XÂY DỰNG ĐẢNG, CƯỜNG CỐ CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ

Trong 5 năm (1976-1980), cùng với việc tổ chức thành công hai kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ I và II, công tác xây dựng Đảng được tăng cường một bước.

(1). Giá trị lượng tiền trên sau đời tiền năm 1978 là rất lớn.

Tỉnh uỷ triển khai nhiều biện pháp đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao trình độ lý luận và nhận thức tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng các cấp.

Ngày 12-4-1976, Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 03-NQ/TU *Về nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng năm 1976*. Tỉnh uỷ xác định nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng phải được thể hiện trên hai mặt. Một là, *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ trong giai đoạn mới*: Cần nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ về đường lối, chính sách; cải tiến và tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ với các cơ quan chính quyền; phát huy ý thức làm chủ tập thể của nhân dân; động viên phong trào lao động sản xuất thực hiện thắng lợi chiến dịch Hà Nam Ninh... Hai là, *nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng các cấp*, với 8 nhiệm vụ cụ thể: Công tác tư tưởng; tổ chức; đảng viên; cán bộ; tổ chức bộ máy; công tác kiểm tra; tăng cường đoàn kết, thống nhất; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đối với công tác xây dựng Đảng.

Về công tác tư tưởng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nhấn mạnh: Đẩy mạnh việc giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, giáo dục về Đảng, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. Muốn vậy cần cải tiến các hình thức và phương pháp công tác tư tưởng; tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị trong Đảng và trong quần chúng; xây dựng và kiện toàn hệ thống báo cáo viên và tuyên truyền viên; nâng cao chất lượng công tác báo chí, thông tin và phát triển mạnh công tác huấn học.

Tiếp đó, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra các Chỉ thị số 28-CT/TU, ngày 11-10-1976 *Về đẩy mạnh xây dựng trường Đảng huyện, thị xã*; Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 12-8-1978 *Về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo các trường Đảng tỉnh, huyện, thành phố*. Việc củng cố và tăng cường công tác lãnh đạo hệ thống trường Đảng trong tỉnh bước đầu đáp ứng được yêu cầu cả về tốc độ, quy mô và chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên ở hầu hết các huyện và số lớn các xã. Trong 2 năm 1976-1977, trường Đảng tỉnh với 2 hệ tập trung và tại chức đã mở 23 lớp cho hơn 4.600 học viên theo chương trình lý luận sơ cấp và trung cấp; năm 1978, mở 95 lớp lý luận chính trị sơ cấp tại chức cho 8.277 cán bộ cơ sở và lớp lý luận trung cấp ngắn hạn tập trung cho cán bộ chủ chốt cấp xã gồm 124 học viên, đây là lớp đầu tiên trong cả nước được Ban Tuyên huấn Trung ương chỉ đạo chặt chẽ. Đến năm 1979-1980, số lớp và học viên tăng lên, trường Đảng tỉnh mở 11 lớp trung cấp lý luận tại chức gồm 1.982 học viên và 158 lớp lý luận chính trị sơ cấp tại chức gồm 11.100 học viên, trong đó có 37 lớp với 1.897 học viên đã mãn khoá; trường Đảng các huyện, thành phố mở 35 lớp sơ cấp lý luận chính trị tập trung gồm 2.209 học viên theo học. Cùng với đào tạo, bồi dưỡng tại hệ thống trường Đảng của tỉnh, hàng ngàn cán bộ, đảng viên còn được tỉnh cử đi học các trường trung học, đại học và các trường Đảng Nguyễn Ái Quốc ở Trung ương.

Cùng với công tác đào tạo, bồi dưỡng, Đảng bộ tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc học tập quán

triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ I và lần thứ II; các chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và của Tỉnh uỷ. Qua các đợt học tập, bồi dưỡng chính trị giúp cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu, năng lực và trình độ mọi mặt trong việc xác định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, chương trình hành động, tổ chức thực hiện có hiệu quả chỉ thị, nghị quyết của Đảng ở địa phương.

Thực hiện các Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 07-5-1976 và số 11-CT/TU, ngày 12-11-1977 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *Về tăng cường lãnh đạo và đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng bộ địa phương*, công tác nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ đạt kết quả bước đầu. Đã hoàn thành cuốn *Sự kiện lịch sử Đảng bộ Hà Nam Ninh (1954-1975)*, góp phần giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân dân về truyền thống của Đảng bộ địa phương.

Thông qua các kỳ Đại hội Đảng bộ các cấp, tổ chức của Đảng và cấp uỷ các cấp được chú trọng củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng, từng bước xây dựng chức trách và cải tiến lối làm việc. Tỷ lệ cấp uỷ viên trẻ tuổi, cấp uỷ viên là nữ, là cán bộ khoa học kỹ thuật tăng lên. Công tác củng cố tổ chức cơ sở Đảng, nhất là cơ sở Đảng yếu kém được gắn chặt với cuộc vận động xây dựng cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh, với xây dựng và tăng cường cấp huyện và với việc thực hiện Nghị quyết số 228-NQ/TW của Bộ Chính trị. Chỉ thị số 192-CT/TW và Thông tri số